Năm thứ nhất. — Số 29 Thứ sáu, 26 Décembre 1941

TRI TÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghè triều Lê (V) — *Nguyễn văn-Tố*
Dịch sắc ông Bá-Đa-Lộc — *Thúc Ngọc Trần-văn-Giáp*
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (X) — *Ứng-Hoè*
Dịch văn Pháp — *Thùy-Thiên*
Các phòng triển-lãm nên mở rộng cửa cho công chúng vào — *Nhật-Nham*
Từ quyển « Nữ-lưu văn-học sử » đến quyển « Đại-Việt văn-học lịch-sử » — *Long-Điền Nguyễn-văn-Minh*
Đọc « Mực mài nước mắt » — *Phạm-mạnh-Phan*
Lý Chiêu-Hoàng (II) — *Phan-khắc-Khoan*
Thoát cung vua Mạc (V) — *Chu-Thiên*
Hương cảng — *Nhật-Nham*
« Sử-ký » chép lầm hay quốc-sử chép không đúng ? — *Lê-văn-Hoè*
Việt-Nam văn-học sử (XVI) — *Hoa-Bằng*

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6$80—6 tháng 3$50—3 tháng 1$80
Mỗi số 15 xu
TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Các phòng triển-lãm mỹ-thuật và công-nghệ cần mở rộng cửa cho công-chúng vào !

NHẬT-NHAM

Ít lâu nay, cạnh các bảo-tàng của Chính-phủ, người mình đã biết đem những cái mới lạ của mỹ-thuật hay công-nghệ trưng bày trong các phòng triển-lãm. phần nhiều ảnh-hưởng cuộc trưng-bày không lan rộng được tới đám bình-dân, hạng người chiếm đa-số trong xã-hội, mà nhất là tới phần đông công-nhân trong xứ là những người cần phải được mở rộng tầm mắt, cần phải được nâng-đỡ để tiến bước trên đường nghệ-thuật. Cho nên những cuộc triển-lãm ấy kết quả chẳng được là bao !

Qua bao thế-kỷ, nước nhà bị cái văn-chương phù-phiếm làm trở-ngại bước tiến-thủ, cho nên ngày nay chính là lúc cần phải chú-trọng đến những vấn-đề thiết-thực có quan-hệ tới cuộc sinh-kế của xã-hội. Cải-tạo một thời-đại không phải là việc làm trong một thời-gian ngắn có thể thực-hiện ngay được.

Phần đông trong quần-chúng, vì sinh-kế, vì gia-cảnh, không thể tới học-đường để thâu-thái những điều mới lạ bổ-ích cho tấm-thân họ. Vậy muốn cho họ được hưởng nhiều sự dễ-dàng trên trường đời, không gì hơn mở-mang tâm-trí họ bằng một nền học-vấn gián-tiếp. Học gián-tiếp ? Còn gì hơn đổi lối học từ-chương ra làm sự học bằng giác-quan : Đem mắt ra quan-sát mọi sự vật, người ta sẽ dần dần thâu-thái được nhiều điều hay, ý lạ, mà trước kia phải lĩnh-hội bằng thần-trí, tâm-tư

Muốn cho những việc quan-trọng đập mạnh ngay vào tầm mắt độc-giả, các báo-chí bây giờ thường dùng chữ to, nét rõ thế vào những đầu-đề trước kia nhỏ bé khó xem. Hiện thời theo phong-trào mới đều hết sức sửa-sang mọi sự cho có vẻ mỹ-quan ! Từ quảng-cáo trong văn-giới, trong thương-trường đến chớp bóng, hình thức đã tiến một cách nhanh-chóng, khả quan.

Dân-chúng trong cuộc sinh-hoạt, cần phải dự một phần vào cái sản-nghiệp chung về vật-chất và tinh-thần của xã-hội.

Không được làm nhà học-giả để hưởng những sự khoái-hoạt về tinh-thần, phần đông quần-chúng vốn sẵn tính trời ưa quan-sát hơn là khuynh-hướng về trí-lự.

Trong các nước văn-minh, những sự phát-minh đều phô-diễn cho công-chúng xem, nên cái kho sáng-tạo về khoa-học càng ngày càng dồi dào, phong-phú.

Trong Phật-giáo, những tượng hình-dung thập-điện Diêm-vương, đối với những kẻ ngu-phu, ngu-phụ, hiệu-lực trừng-giới rất mạnh hơn kinh, tạng, luận, luật uyên-thâm.

Các nhà bảo-tàng lưu-trữ các tài-liệu về cuộc sinh-tồn của tiền-nhân, giúp các nhà quan-sát khám-Phá được những cái bí-hiểm của Tạo-hóa về dĩ vãng cũng như về hiện tại hay tương-lai. Cái cơ-quan ấy dẫn người ta tới đường biết rộng, rất có ảnh-hưởng đến cuộc mưu-sinh. Nhưng đã mấy ai chịu lui tới các nhà bảo-tàng ấy để lĩnh-hội những điều ích-lợi cho tâm-thân, hơn là, sau giờ công-hạ, giải-trí ở những nơi yên-hoa, đồ-bác...!

Vào cửa đã không mất tiền, mà số người đến bảo-tàng còn tối-thiểu thay, huống chi các phòng triển-lãm của tư-nhân hoặc của đoàn-thể

Cho nên phòng triển-lãm cần phải tổ-chức theo tình-hình xã-hội hiện thời, để đi tới mục-đích tốt-đẹp.

Thường thường, các tác-phẩm đem ra trưng bày không phân-tách rõ-ràng, xấu tốt lẫn lộn, khiến các khán-giả chưa lịch-duyệt về mỹ-thuật và công-nghệ bị lạc đường trong trí xét-đoán ! Vậy trước hết nên giúp-đỡ các nhà chế-tạo, các nhà sản-xuất cần-cù thiếu tiền thuê chỗ trưng-bày. Các phòng nên đủ ánh sáng để trình-bày tác-phẩm một cách tỏ-tường. Rồi lựa chọn các thứ, phân-tách làm hai hạng tốt và vừa, để riêng làm hai nơi, xếp đặt thứ-tự khiến khán-giả có thể hiểu, biết ngay cái tinh-thần mỹ-thuật.

Một khi đã hiểu, biết, người ta tất sẽ lĩnh-hội được.

Dưới mỗi tác-phẩm, cần có một đoạn dẫn-giải rõ-ràng để khán-giả thấy ngay tinh-thần của công-trình mỹ-thuật.

Những nhà khảo-cứu, những người ưa mỹ-thuật sẽ vui-vẻ, tươi-cười, say-sưa trước các tác-phẩm đã khéo trình-bày.

Như trên đã nói, nên chia các tác-phẩm làm hai hạng bày hai thứ phòng hai phòng : phong chính

Xem tiếp trang 23

Những ông nghè triều Lê

SỐ 5

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

KHOA nhâm-tuất năm Đại-bảo thứ ba (1442) bảy ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân, theo thứ tự rong bia như sau này :

1. — Trần-văn-Huy, người xã Thái-bạt, huyện Bất-bạt, phủ Thao-giang (có chỗ chép là người ở xã Quang-bị). Làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, vâng mệnh đi sứ. Sinh ra Trần Cần, đỗ khoa kỷ-sửu (1469) chép theo *Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 4 a).

2. — Hoàng-tân-Phu (có người đọc là Hoàng-sắn-Phu) người xã Tiên-kiều, huyện Vĩnh ninh, phủ Thiệu-thiên. Đỗ năm hai mươi chín tuổi. Làm quan đến Hoàng-môn thị-lang, kiêm Quốc-sử tu soạn (*Đăng khoa lục* q. 1, tờ 4 a)

3. — Nguyễn-Hốc, người xã Cổ-kinh, huyện Thạch-hà, phủ Hà-hoa. Đỗ năm ba mươi mốt tuổi. Làm quan đến Hàn-lâm *Đăng khoa lục*, q.1, tờ 4 a).

4. — Võ Lãm (có chỗ chép là Lê-Lãm) người xã Tiên-kiều huyện Kim-động, phủ Khoái-châu, ngụ ở Kim-lan (Gia-lâm) Làm quan đến Ngự tiền học-sinh *Đăng khoa lục* q. 1 tờ 4 a) Vâng mệnh bình tập thơ của vua Thánh-Tôn (1460-1497) là tập *Quỳnh-uyển cửu ca* v.v. (chép theo *Đại nam nhất thống chí*, soạn đời Tự-đức, sách của trường bác-cổ, số a 69, *Hưng yên tỉnh*, tờ 16 a).

5. — Nguyễn-hữu-Phu, người xã Sơn-đồng, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai. Đỗ năm ba mươi tuổi. Vâng mệnh đi xứ, Làm quan đến An phủ sứ ở lộ Thái-nguyên *Đăng khoa lục* q. 1, tờ 4 b) và lộ Khoái-châu. Sử chép năm Thái-hòa thứ bảy (1419) «An phủ sứ lộ Khoái châu là Nguyễn-hữu-Phu xin cấp lương-bổng cho những sái-phu ở văn-miếu và học-hiệu các lộ : hai mươi người, giáo thụ hai người. Vua Nhân-tôn (1442-1459) cho» *« khâm định việt sử thông giám cương mục*, q 18, tờ 19 a).

6. — Phạm-Cư, người xã La-phù, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín. Làm quan đến Thái bộc tự-khanh, quyền Tham-chính. Có đi sứ Tàu (*Đăng khoa lục* q. 1. tờ 4 b)

7 — Trần bá-Linh, người xã Thị cầu, huyện Võ ninh, phủ Từ-sơn (bia năm Đại-bảo (1442) khắc là huyện Võ-giàng : có lẽ mới chữa lại sau, vì bia Thái hòa (1448) vẫn chép là Võ-ninh mà *Đăng khoa lục* q 1, tờ 4 b với *Lê triều lịch khoa tiến sĩ đề danh bi ký* q 1, tờ 6 a, cũng viết là Võ-ninh) Trần bá-Linh làm quan đến Thẩm-hình-viện tri đông-đạo quân-dân ba tịch *Đăng khoa lục* q 1 tờ 4 b) « Năm Diên-ninh thứ sáu (1459) Lê nghi-Dân xưng đế, đặt niên-hiệu là Thiên-hưng, rộng tha những kẻ tù-tội, cho trăm quan văn võ thăng tước một trật, sai Thi-chế là lũ Trần-bá-Linh sang nhà Minh cầu phong » (*Cương mục* q.18 tờ 35 a).

◆

Cũng khoa nhâm tuất (1442) đỗ 23 ông đệ tam giáp, đồng tiến-sĩ xuất thân, là những ông sau này :

1. — Ngô-sĩ-Liên, người xã Chúc-sơn (*Đại việt sử ký* viết là Chúc lý), huyện Chương-đức phủ Ứng-thiên, tỉnh Sơn-nam. Làm quan đến Thị-lang, kiêm Sử-viện (Sử-quán) tu soạn. Hiệu chính bộ *Đại việt sử ký* làm thêm quyển « Ngoại-ký » Thọ 91 tuổi *Đại nam nhất thống chí* Tự đức *Hànội* trang 61 a theo *Đăng khoa lục* q. 1, tờ 4 b thì 99 tuổi).

2. — Nguyễn-duy-Tắc, người xã Thiện-đông, huyện Tiên-Lữ phủ Khoái-châu. Làm quan đến Hiến-sát-sứ. Sinh ra Nguyễn Chương, đỗ khoa Bính-tuất (1466), năm Quang-thuận thứ bảy *Đăng khoa lục* q. 1, tờ 4b.

3. — Nguyễn cư-Đạo, người xã Đông-khối, huyện Gia-định, phủ Thuận-an. Vâng mệnh đi sứ. Năm Quang-thuận thứ tám (1467) làm Ngự-sử-đài-đô-ngự-sử, quyền Hộ bộ thượng-thư *Đại-nam nhất thống chí, Bắc-ninh* tờ 31b, viết nhầm là Lại-bộ-thượng-thư, tri kinh-diên-sự *Cương mục*, q-20. tờ 15a ; *Đăng-khoa-lục*, q-1, tờ 4b. Vua Thánh Tôn (1460-1497) kết bạn rất thân, thường khen là hết lòng báo nước. Con là Nguyễn-Giản đỗ khoa Mậu tuất năm Hồng Đức thứ chín (1478) làm quan đến binh-bộ thượng-thư hữu thị lang *Đại nam nhất thống chí* Bắc-ninh, tờ 31b.

4. — Phan-Viên, người xã Bàn-Thạch, huyện Thạch-Hà, phủ Hà-hoa. Đỗ năm hai mươi hai tuổi. Làm quan đến quốc-tử-giám tế-tửu. Sinh ra Phan-

ứng-Tán, đỗ khoa Tân-sửu (1481) năm Hồng-đức thứ 12 *Đăng khoa lục*, q 1, tờ 4 b.

5. — Nguyễn-Đạt, người xã Duyên-trường, huyện Thanh-đàm, phủ Thường-tín. Làm quan đến thượng-thư, kiêm hàn-lâm-viện thừa-chỉ. Là ông tổ Nguyễn-kính-Hòa, đỗ khoa giáp-tuất (1514), năm Hồng-thuận thứ sáu (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 5 a),

6. — Bùi-Hựu, người xã Lam-điền, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên. Làm quan đến thị-lang. Năm Quang-thuận thứ ba (1462) nhà Minh sai Hàn-lâm thị độc học-sĩ là Tiền-Phồ và Lễ khoa cấp sự-trung là lũ Vương-Dự sang nước ta đem tờ sách tuyên-phong « An-nam quốc-vương ». Vua Thánh-Tôn (1460-1497), bèn sai Bùi-Hựu đi sứ sang Tàu để tạ về việc ân phong (*Cương mục*, q. 19, tờ 23 a). Bùi-Hựu là anh Bùi-Phúc, đỗ khoa mậu-thìn, Thái-hòa thứ sáu (1448).

7. — Phạm-như.-Trung, người xã Nhân-lý, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách. Đỗ năm ba mươi tuổi. Làm quan đến Đông-các hiệu-thư (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 5 a).

8. — Trần-Đương, người xã Triền-thủy, huyện Đông-yên, phủ Khoái-châu. Làm quan đến Đề-hình giám-sát ngự-sử. Sinh ra Trần-Cảnh-Mô, đỗ khoa quí-dậu (1453) (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 5 a).

9. — Ngô-thế-Dụ, người xã Khê-nữ, huyện Kim-hoa, phủ Bắc-giang. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 5 a).

10. — Khúc-hữu-Thành, người xã Thiện-tài, huyện Thiện-tài, phủ Thuận-an. Làm quan đến Binh-bộ hữu-thị-lang *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 5 a).

11. — Lê-Lâm, người xã Hạ-bì, huyện Bất-bạt, phủ Thao-giang. Làm quan đến giám-sát ngự-sử *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 5 a). « Năm Thái-hòa thứ bảy (1449) Lê-quán-Chi có tội đánh chết người, đem của chuộc, không phải tội : hoàng-thái-hậu sai thu tiền đền mạng. Đài-quan là lũ Lê-Lâm không dám nói : những trẻ con ở nơi đô-thị đến, có đứa nắm tay nói rằng : « Ta giận không được làm đài-quan ! » (*Cương mục*, q. 18, tờ 23 a).

12. — Nguyễn-thiện-Tích, người xã Tiền-liệt, huyện Bình-hà, phủ Nam-sách. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 5 a). Không nên lẫn với Nguyễn-thiện-Tích, đỗ khoa tân-hợi, Thuận-thiên thứ tư (1431), sẽ nói sau.

13. — Nguyễn-Nghị, người xã Trác-châu, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách. Đỗ năm ba mươi mốt tuổi. Làm quan đến tham-chính (*Đăng hoa lục*, q. 1. tờ 5 b),

14. — Trịnh-thiết-Trường, người xã Đông-lý, huyện Yên-định, phủ Thiệu-thiên. Đỗ khoa nhâm-tuất (1442), nhưng tự xét không kịp sức, xin từ-chối, không lấy đồng-tiến-sĩ. Đến năm Thái-hòa mậu-thìn (1448) đỗ bảng-nhỡn (đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ) Làm quan đến Công-bộ thượng-thư, trí sĩ được phong làm Nghi-quốc-công *Đại-nam nhất thống chí, Thanh-hóa*, tờ 48 a). Năm Diên-ninh thứ tư (1457) vua Nhân-tôn (1442-1459) sai sang Tàu dâng đồ lễ mừng vua Anh-Tôn nhà Minh mới lập con làm hoàng-thái-tử (*Cương mục*, q. 18, tờ 34 a).

15. — Trần-Bàn, người xã Từ-sơn, huyện Quế-dương phủ Từ-sơn. Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ, ngự-sử, đại-phu. Năm Quang-thuận thứ ba (1462), nhân có quan nhà Minh sắng dụ tế, vua Thánh-Tôn (1460-1497) sai Trần-Bàn sang Tàu « tâu mọi việc (*Cương-mục* q. 19, tờ 23a).

16. — Nguyễn-quốc-Kiệt, người xã Tráng-liệt, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn. Làm quan đến thượng-thư, kiêm Thẩm-hình-viện *Đăng khoa lục*, q-1, tờ 5b).

17. — Nguyễn-Mỹ, người huyện Vĩnh-lai, phủ Hạ-hồng. Làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 5 b).

18. — Trịnh-khắc-Tuy, người ở xã Sáo-sơn huyện Vĩnh-ninh, phủ Thiệu-thiên. Đỗ năm ba mươi tuổi (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 5 b)

19. — Nguyễn-Địch, người xã Vụ-lạc, huyện Đại-an, phủ Kiến-hưng. Làm quan đến tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, q - 1, tờ 5b)

20. — Bùi-lôi-Phủ, người xã Đào-Xá huyện Phú-xuyên, phủ Thường tín (*Đăng khoa lục, và Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề-danh bi-ký* viết là huyện Phù-vân). Đỗ năm ba mươi mốt tuổi. Là ông tổ ba đời Bùi-doãn-Hiệp, đỗ đệ

Xem tiếp trang 23

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 10

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XXX

Bài viếng quan đốc Dương (1)

(của Nguyễn - Khuyến, Tam-nguyên Yên-đổ)

Bác Dương thôi đã thôi rồi !
Cỏ mây man-mác ngùi-ngùi lòng ta ! (2)
Nhớ từ thủa đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm khuya tôi bác cùng nhau (3).
Kính yêu từ trước đến sau,
Dẫu trong gặp gỡ khác đâu duyên giời (4)
Cũng có lúc rong chơi đất khách,
Nước doành nghe róc-rách lưng đèo (5).
Có khi từng gác treo leo,
Bỡn-bờ con hát lựa chiều cầm xoang (6).
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,
Chén quỳnh-tương ăm-ắp bầu xuân (7).
Có khi bàn soạn câu văn,
Xiết bao «đông-bích» «điền-phần» trước sau !
Gặp ách vận biết đâu là số (8) !
Miếng đầu thăng ai có phụ giời (9) !
Bác già, tôi cũng già rồi (10),
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là !
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác (11) !
Trước ba năm gặp bác một lần,
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng thầm bác vẫn tinh thần chưa can (12)
Tuổi tôi lại còn hơn tuổi bác (13),
Mà tôi đau trước bác mấy ngày (14).
Bỗng đâu thư phó tới ngay (15) !
Chợt nghe tôi đã chân tay rụng-rời !
Ai chẳng biết chán đời là phải !
Vội vàng chi đã mải lên tiên (16) !
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua, không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn-đo muốn viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa ?
Giường kia treo những hững-hờ !
Đàn kia gẩy cũng ngẩn-ngơ tiếng đàn !
Bác chẳng ở, dẫu van chẳng ở,
Tôi có thương, cũng chở nên thương (17).
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu chắp lấy hai hàng chứa-chan (18) !

(Theo quyển *Việt-túy tham-khảo* sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, AB 386, tờ 46 b)

XXXI (19)

Vịnh giời (20)

Nghiệm trước hồn nhiên nẻo triệu thành,
Nhưng nhưng gồm được khí khinh-thanh.
Nghìn trùng xa thẳm hằng chu-phú,
Tám tiết xoay-vần vốn kiện hành.
Đức cả giội nhuần, nhuần vạn tượng,
Ơn nhiều dưỡng khắp, khắp quần sinh.
Dù hay sang - sửa dòng trung đạo (21),
Vị dục công phồn thuở thái-hanh.

(Trích trong *Ngự-đề Thiên-hòa doanh bách vịnh thi-tập*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 544, tờ 3 a)

XXXII

Vịnh đất

Phán đoan khen ai khéo tạo đoan,
Đặt làm chuẩn vọng có bao hoàn.
Thế phương trọng đích trơ-trơ vững,
Hình ẩn chân càng phắc phắc yên.
Nơi cầu sơn cao, nơi thủy mị,
Chốn vi hồ cứ, chốn long bàn.
Dung tàng thầy thầy khôn so vi,
Tư-trưởng muôn loài thể lượng khoan.

(Trích trong *Thiên-hòa doanh bách vịnh*, tờ 3 b.)

XXXIII

Vịnh người

Hiệu cửu hoàng xưa đã thét danh,
Dựng hơn thứ vựng rất tinh anh.
Bình tâm dốc vẹn bề trung tín,
Xuất tính biền-chiền giữ hiếu-thành.
Gây đặng kỷ - cương nên biểu thịnh,
Sửa-sang pháp-luật ắt chiêu minh.
Tuệ thông đứng ấy giời dành hậu,
Dành nầy tuy-du mở trị lành.

Trích trong *Thiên - hòa doanh bách vịnh*, tờ 3 b.)

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ biên tập

---

1) Dương-Khuê, thường gọi là cụ nghè Vân đình. Bài viếng cụ đã có nhiều người in ra quốc ngữ, nhưng xét ra không có bản nào đúng với bản sao của trường Bác-cổ.

2) Có bản in là «nước mây man-mác ngậm-ngùi lòng ta».

3) «Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau».

4) «Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên giời».

5) «Cũng có lúc chơi nơi dặm khách, Tiếng suối nghe róc-rách lưng đèo».

6) «Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang».

7) «Chén quỳnh-tương ôm-ấp bầu xuân».

8) «Bước hoạn nạn gặp đâu ra thế».

9) «Miếng đầu thăng há dám tham giời». Có bản chữ nôm chép hai câu ấy như thế này : «Gặp ách

vận biết đâu kỳ số, phận đầu thăng ai có phụ giời ».

10) Bản in quốc ngữ dịch là « Tôi già, bác cũng già rồi ».

11) « Đường đi lại tuổi già thêm nhác ».

12) « Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can ».

13) « Tuổi tôi kề còn hơn tuổi bác ».

14) « Tôi lại đau trước bác mấy ngày ».

15) « Làm sao bác vội về ngay? ».

16) Có bản nôm chép là « Vội-vàng chi mà mải lên tiên ».

17) Bản quốc ngữ in là « tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương ».

18) « Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan .... »

19) Những bài thơ lấy trong quyển *Ngự-đề Thiên-hòa doanh bách vịnh thi tập* của Trịnh-Can (1682-1709, có người gọi là Trịnh-Côn) chưa ai dịch ra quốc-ngữ. Tôi có nói đến tập thơ này trong quyển *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient* tự năm 1930, quyển XXX, trang 144; nhưng từ bấy giờ đến nay vẫn chưa có ai in ra quốc ngữ. Bài tựa bằng chữ nho dịch ra như sau này: « Ta kính nối nghiệp nhớn, vui tin vận sáng. Ngày mới gần hai mươi tuổi, đương lúc dùng việc võ, vâng mệnh vương phụ (tức là Trịnh Tạc, 1657-1682) giao cho việc lo liệu đi đánh, nhờ oai giời làm rõ công đánh dẹp. Mầm ác họ Nguyễn Tây-sơn ví như than bay ngói vỡ, lũ nhà Mạc thì như tổ đốt kiến tan. Nam bắc bụi sạch, bờ cõi rộng rãi, kính theo phép thịnh, trông mong ơn nhớn, tôn ngôi giời để dạy dân, đem văn minh để bảo kẻ dưới. Thanh giáo thấm khắp trăm quan, đức nghiệp xa ra chín cõi, dùng người giỏi, tuyên luật lệ, đặt cách chính tâm tu thân, mở phép trị quốc, bình thiên hạ. Nhân lúc muôn việc thong thả, trong lòng vui vẻ, xét đạo lý giời đất, xem nguồn gốc thánh đạo; nói tóm từ nhỏ đến nhớn, lúc thư nhàn lấy ý hội làm mấy vận thơ quốc âm theo Đường-luật, khắc thành hơn một trăm bài, sai đề là *Ngự-chế Thiên-hòa-doanh bách vịnh*. Hầu rõ lúc ưu-du ngẫm-nghĩ, đào dưỡng nguyên chân, rực rỡ khí giời, không phải là bình phong vật, khoe hoa tảo (đẹp đẽ). Nay làm tựa. — Đại nguyên súy thống quốc chính thượng thánh-phụ sư thịnh công nhân minh uy-đức Định vương đề tựa ở điện Thiên-hòa ».

20) Trên chữ « thiên » (vịnh giời) có bốn chữ « tam diệu đại thống ».

21) Các nhà nho theo lối chữ nôm bây giờ đọc là « Dù xem sang dải dùng trung đạo », nhưng không có nghĩa gì, cho nên chúng tôi thiết nghĩ rằng có lẽ phải đọc là (Dù hay sang sửa dòng trung đạo ». Dòng « trung đạo » là quãng đường ở giữa; giời ở trên, đất ở dưới, người ta và muôn vật ở khoảng giữa. Tạo hóa có thể sửa sang xoay vần việc này việc khác, sinh hóa muôn vật. — Lối chữ viết ở quyển *Thiên-hòa doanh bách vịnh* xem ra rất khó; sau này thu thập được nhiều, chúng tôi sẽ làm một bài khảo cứu về các lối chữ nôm từ lối khắc trên mặt bia đến những lối viết trong các sách cổ.

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80

de Hanoi à la Courtine (*Septembre 1939 — Jain 1940*) của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc-âm 2p 50.

Giai thoại trên đàn văn

Thử tài

ÔNG Phạm Sư-Mạnh, người làng Dương-nham (Hải-dương), về đời nhà Trần, sang sứ Tàu, người tàu thấy tên ông như thế, muốn thử tài, bảo ông ám-tả cả mấy thiên sách Mạnh-tử thì ông viết được toàn bộ không sót một chữ. Sau họ lại lấy tên các thiên trong sách ghép thành một vế câu đối để đố ông:

Lương-huê-vương mệnh Công-tôn-sửu, thỉnh Đằng-văn ư Ly-lâu-thượng, tận-tâm cáo-tử độc vạn-chương (1)

Ông Phạm đối rằng:

Vệ-linh-công sử Công-dã tràng, tế Thái-bá ư Hương-đảng-trung, tiên-tiến lý-nhân vũ bát-dật. (2)

Câu này ông đã khéo chắp tên mấy thiên sách Luận-ngữ để đối, kể cũng đáng gọi là có biệt tài.

Người tàu khen ông Phạm ứng-đối trôi-chảy, chịu nhận đồ cống và tỏ ý ưu-đãi, thực đã không nhục sứ-mệnh mà lại còn làm vẻ-vang cho tổ quốc.

VÂN-THẠCH

1) Vua Lương-Huệ-vương sai chàng Công-tôn-sửu mời ông Đằng-văn ở trên lầu Ly-lâu để hết lòng dạy con học hàng vạn bài học.

Sách Mạnh-tử có 7 thiên là: Lương-Huệ-vương, Công-tôn-sửu, Đằng-văn, Ly-lâu, Tận-tâm, Cáo-tử, Vạn-chương.

2) Vệ-Linh-công sai chàng Công-dã-tràng tế ông Thái-bá ở trong Hương-đảng (đám trong làng), những người tiến lên trước múa bát-dật.

Sách Luận-ngữ có 20 thiên là: Học-nhi, Vi-chính, Bát-dật, Lý-nhân, Công-dã-tràng, Ung-giã, Thuật-nhi, Thái-bá, Tử-hãn, Hương-đảng, Tiên-tiến, Nhan-uyên, Tử-lộ, Hiến-vấn, Vệ-Linh-công, Qui-thị, Dương-hóa, Vi-tử, Tử-chương, Nghiêu-viết.

ĐỌC

«Mực mài nước mắt» của Lan-Khai

PHẠM-MẠNH-PHAN viết

TRONG số các tiểu thuyết mới, người ta vừa nhận thấy có một cái tên có thể gợi tình tò mò của người đọc và tấm lòng trắc ẩn của những tâm hồn đa cảm.

Đó là cuốn « Mực mài nước mắt » của ông Lan-Khai, một ngòi bút chuyên tả những chuyện đường rừng của các cô Mán, Thổ chốn âm u, cao cả.

Nhưng ở cuốn sách vừa nói, chúng ta không thấy hiện bóng một bông hoa rừng tươi đẹp nào hoặc một gã trai ngô nghê với thân hình vạm vỡ.

Phác qua cốt truyện — Vì cuốn đó là một thiên tiểu thuyết tả những nỗi nhục nhằn thống khổ và những cảnh túng kiết chua cay của một nhà văn với đời thực tế !

Nguyễn Khải, đang trong buổi thiếu thời đầy ước vọng cao xa, sẵn chí quả quyết, hăm hở bước chân vào nghề văn với một tấm lòng thành kính và tin tưởng. Chàng ôm hoài bão lớn lao, những muốn làm việc cho văn nghệ và vun sới « cây » văn học Việt nam ngày thêm nẩy chồi, đâm lộc.

Nhưng chí chàng thì lớn mà sức mong manh của chàng đà có hạn. Sau bao năm đụng chạm với đời, ngòi bút chàng, than ôi, chẳng đủ cung cấp cho chàng những nỗi hạch sách kêu gào của đời sống hằng ngày.

Lăn lóc âm thầm trong một căn nhà tồi tàn ở phố hàng Bún, chàng đã đeo một chứng bệnh hiểm nghèo, bệnh xuyễn, nó rằn vặt chàng, hành hạ chàng trong những ngày túi rỗng. Sống dở, chết dở, chàng tạm gác bút trong hai tháng trời đành để cho Kim, vợ chàng, xoay xỏa thuốc thang với một nách bốn mụn con thơ !

Nhưng giữa cuộc đua tranh gaay go của người đời, thân nhi nữ phỏng được là bao, nên cảnh gia-đình đã túng càng thêm túng. Cả thầy lẫn tớ, ngót mười miệng ăn trong một nhà, chồng nàng trước kia đã làm đủ nghề nào dạy học, nào vẽ truyền thần, nào làm thư ký cho một tư gia mà cũng không đủ cung cấp cho tiểu gia đình !

Chàng đã thức thâu đêm xuốt sáng để viết, viết hoài, bán cho những nhà xuất bản Nhưng chàng chỉ gặp những người vụ lợi, thiếu lương tâm, tìm cách bóc lột chàng.

Tiền đã túng thì cảnh gia đình cũng chẳng được ấm vui : giữa Khải và vợ chàng vẫn thường xảy ra những nỗi eo-sèo dằn vặt.

Tiếng bắc tiếng chì mai mỉa, cảnh ái-ân dần kém vẻ nên thơ : hai người đã cách nhau xa mặc dầu vẫn chung sống một nhà để chung chịu những nỗi đắng cay về thế sự ! Ỳ-èo vì những món nợ hằng ngày, bực-bội vì những cách sống gay go của Hà-thành hoa-lệ, Khải đành thu xếp gia-đình để ngược Tuyên - quang chung sống với cha già nơi đó : cụ lang Xuân Hòa, một nhà nho của thời kỳ giấy bản mực tầu còn sót lại.

Đã là nhà nho thủ cựu, lẽ cố nhiên cha con cũng phải có những chỗ dị đồng : nên tình phụ tử, chàng và cha già đã lắm phen xa nhau vì tư tưởng.

Nào có thể thôi đâu, ở đất nước này, nghề viết văn chưa hẳn là một nghề, thì Khải tránh sao khỏi những lời gièm pha bỉ-ổi của những lân - bàng soi mói. Nhất là sống ở một tỉnh nhỏ, chàng đã có lần phải ghê-tởm cho cái tính ty-tiện dòm - nom nhỏ-nhen của những quân ít học.

Chàng và gia-đình thiên lên ở một ngôi nhà mới trong một vùng gần-gụi dân quê, cầy cấy chăn nuôi, sống một đời bình-thản, giản - dị và từ đó chàng dùng những thời giờ nhàn rỗi vào sự đọc sách, báo để di-dưỡng tinh-tình.

Chàng xa hẳn các bạn làng văn, yên vui sống một cuộc đời mộc-mạc, bình tĩnh và thấy dễ thở hơn xưa.

Vài điều đáng khen — Như các bạn vừa thấy, cốt truyện *« Mực mài nước mắt »* chẳng có gì là cầu kỳ và oái-oăm.

Nó đơn-giản và không đủ thỏa mãn những ai chỉ muốn đòi ở nó một truyện xếp-đặt chặt-chẽ và nhiều hứng-thú hơn.

Nhưng, theo tôi hiểu, đặt cốt truyện cho ly-kỳ không phải là chủ ý của tác-giả khi viết cuốn sách đó. Vì ông chỉ cốt tả rõ những nỗi đau khổ, bực-dọc, hờn-giận của nhà văn trong cuộc sống hằng ngày.

Bằng một giọng văn nhẹ-nhàng và có khi bay bướm, ông Lan-Khai đã có đoạn khiến độc-giả phải mải-miết theo mình.

Cảnh dằn-vặt của đôi vợ chồng Khải trong những lúc túng-thiếu đã là một bức ảnh linh hoạt chụp theo sự thực. Đoạn Khải và các con về quê ăn tết đã được tả một cách tinh-vi : người đọc cảm thấy cảnh gia-đình đầm-ấm là đáng quý. Tình nồng-nàn của cụ lang Xuân-Hòa đối với các cháu làm tôi nhớ tới cái tình của Victor Hugo,

tác-giả cuốn « *Nghệ thuật làm ông* ».

Những mánh - lới xảo - quyệt của những nhà xuất-bản vụ lợi, táng tận lương-tâm, bị phơi ra ánh sáng bằng một giọng văn đanh-thép và độc-ác.

Cảnh chiều đông nơi thượng-du đã được phác sơ bằng dăm nét bút nhẹ - nhàng mà uyển chuyển :

« *Ấy là một chiều cuối đông, trời cũng vẩn mây như chiều nay, và gió bắc chạy lướt từng cơn trên ngàn lau hoa trắng, lưng chừng không, một con vạc lẻ bỏ rơi những tiếng kêu buồn...* » (*trang 39*).

Trước cảnh vật nhuộm một vẻ buồn man-mác, ai là du-khách mà đã đắng cay về thế-sự, ai là người đa-cảm mà quả tim đã đôi phen dạt-dào vì thương, vì nhớ, chắc cũng thấy gió đông như nhắc-nhở lại những bầu tâm-sự với những nỗi nhớ thương !

Ở chương tám, tác-giả đã có những tư-tưởng nhân-từ và đáng quý về dân quê. Tác-giả không như ai rẻ khinh bọn chân lấm tay bùn mà dùng những lời khinh-mạn vô ý-thức. Ông đã cố hiểu họ, cố phân-tích tâm-hồn họ để hòng mang đến cho họ một cái gì :

Chàng nhận thấy rằng, nếu thường được ngẩng đầu trông ánh sáng, người nông phu sẽ tỏ ra biết xúc-động một cách sâu-xa, Cái khả-năng tình cảm ấy, hằng ngày, vẫn phát hiện bằng sự kiên-quyết, sự nhẫn nại, sự hăng hái. Gặp những cơ hội lớn lao của lịch sử, khả năng kia lại chính là lòng yêu đất nước, sự can đảm, sự trung thành và sự coi thường cái chết.»

Chúng ta nên nhận sự cố gắng hiểu dân quê đó là do tấm lòng thành thực của tác giả. Chẳng những cố hiểu, tác giả còn mong bài trừ những cái nó làm tê liệt và bại hoại đời sống của nông phu.

Tác giả đã nấp sau vai chính trong truyện mà công kích, mà riễu cợt bằng một giọng chua cay những nỗi bất công của thế nhân, ở một vài chỗ tác giả đã được vừa ý.

Những chỗ đáng chê — Nếu xuốt trong cuốn truyện « *Mực mài nước mắt* », cạnh những đoạn đáng làm vinh-dự cho cuốn sách, chúng ta không thấy gì nữa thì tác-giả sẽ đáng được nhận những lời cổ-võ chân-thành của một ngòi bút vô-tư.

Nhưng tiếc thay, dù ai dễ-dãi mặc dầu, cũng phải trách tác-giả về những đoạn viết một cách trễ-nải và đáng phàn-nàn.

Xét qua về văn-thể, chúng ta thấy nhiều chữ tác-giả dùng một cách trắng-trợn và khiếm trang : *mê văn-chương như người ta mê gái* (trang 13) — *ngồi xổm lên cái dư-luận* (tr. 20) — *hãi làm mấy phát đã* (tr. 34) — *vòm trời nặng như cái vung chì úp xuống cảnh-vật* (tr. 36) — *ôm ghì lấy hiện tại và gắng chắt gạn ở nó tất cả cái gì là khoái lạc, say đắm bởi không bền* (tr. 48 — *nền đạo-đức bố vở* (tr. 50) — *tự chín từng mây rơi bộp xuống đất* (tr. 63) — *hàng răng mái hiên* (tr. 82) — *sự căng thẳng của tâm-trí* (tr. 95) — *những vú em có thắt cà-vát cho các nàng tiên son-trẻ* (?) (tr. 110) — *cái thời phong-bì tem* (tr, 112), vân vân...

Ngoài những đoạn bàn luận về văn-chương một cách mập-mờ không rõ-rệt, tác-giả đã phạm một điều đáng tiếc cho tiểu-thuyết-gia là luận-thuyết một cách dài giòng khiến người đọc chóng thấy nản : như đoạn luận về nhà văn (trang 10 tới) 12 — những triết-lý bâng-quơ (tr. 35-48-50) — những ý-tưởng gàn dở của vai chính trong truyện (tr. 65) — những lời ngông cuồng vô ý-thức của tụi bạn Khải về thế-sự (tr. 83-91).

Ngoài ra, người ta còn nhận thấy tác-giả không biết chủ ý có định khoe chữ hay không mà lắm lúc cao-hứng tác-giả bắt vai chính trong chuyện hết « sài » đến hán học, lại nói đến tên các văn-nhân ngoại-quốc. Nào nói chữ : « *công hầu đệ trạch giai tân chủ, văn vũ y quan dị tích thì* », nào ví-ví von-von khiến độc-giả tưởng người làm sách có ý khôi-hài !

Trong lá thư dùng làm đoạn kết, tác-giả đã phô-bày những tư-tưởng của tác-giả về văn-chương hiện tại. Nhưng sao ở những đoạn này văn tác-giả lại mờ tối và kém rành-mạch : phải chăng tại trí thông-minh của tôi không đủ hiểu tác-giả hay tại ngòi bút ưa luận-thuyết của tác-giả đã lừa-dối tác-giả một cách đáng phàn-nàn ?

Dầu sao, cuốn « *Mực mài nước mắt* » cũng là một cuốn truyện vô-hại vì nó không tả những hành-vi ti-tiện và không gieo giắc vào óc độc-giả những tư-tưởng mờ-ám. Trong lúc các sách nhảm đua nhau ra đời, thế mà có được một cuốn sách như kia, tưởng cũng đã là điều đáng quý.

Cảm tưởng sau khi đọc.— Đọc « *Mực mài nước mắt* », tôi có một điều bất-mãn về tác-giả. Chẳng những với tác-giả và lại với cả một số nhà văn.

Ông Lan Khai cũng như những người này đã thiết-tha nói tới nỗi khổ-sở của con nhà cầm bút bị giầy-vò vì sinh-kế. Ông đã tả một cách tỉ-mỉ những sự thiếu-thốn nhỏ-nhen vì tiền - tài eo-hẹp, những sự rẻ-rúng của người đất nước với văn-nhân.

— Nhưng để làm gì ?

Xem tiếp trang 18

Văn-hành công khí

(Bản-chỉ mở mục này để hoan-nghênh những bài, tỏ tri phán-đoán trong khi đọc sách, báo hoặc ghi lời hiệu đính những chỗ sai lầm thấy trên các ấn-loát phẩm Việt-nam).

Từ quyển NỮ LƯU VĂN HỌC-SỬ của ông Sở - Cuồng đến quyển ĐẠI - VIỆT VĂN HOC LỊCH - SỬ của ông Nguyễn Sỹ - Đạo

TRONG Tri-Tân tạp chí số 27 ra ngày 12-12-41, hai ông Hoa-Nam và Cây Thông có viết bài « *Sách báo xuất bản nhiều chăng nữa vẫn không giúp ích được nhiều cho nền văn chương, nếu phần đông người mình còn chưa biết đọc.* »

Tôi đọc bài đó, rất phục tác giả đã kể rõ được căn bệnh người mình Thật thế, người mình phần nhiều không lấy sự đọc sách xem văn làm can hệ, bổ ích, chỉ cho là một thứ giải trí nên không những không để ý đến văn thể, mà lại không để ý đến cả ý bài văn nữa. Vì vậy các nhà văn ít lương tâm thừa hư cái bệnh của độc giả, mới viết hàm hồ không thận trọng ngòi bút. Như vậy là khinh thị độc giả một cách công nhiên.

Muốn có những sách, những văn có giá trị để nâng cao trình độ học thuật nước nhà, và muốn cho các nhà văn không thể khinh thị ta được, ta phải làm thế nào ? Tất phải biết đọc.

Biết đọc đây, không phải như ai đọc để giết thời giờ, để chờ giấc ngủ như hai ông Hoa-Nam và Cây Thông đã nói rõ.

Biết đọc, là biết đọc một cách có bổ ích cho tâm thần, có lợi cho kiến thức.

Đọc sách là một sự bổ ích rất lớn, nếu biết đọc. Vì đọc sách là học, nếu biết tế nhận ý nghĩa lời văn trong quyển sách. Đọc một quyển sách hay có nhiều điều mình chưa biết, biết được rộng thêm, như vậy là học. Đọc một quyển sách dở, biết được cái lỗi, cái lầm của tác-giả, như vậy cũng là học. Cho nên, đọc sách, không nên nô-lệ tin hẳn sách ta phải xét đoán cẩn thận bài văn quyển sách ta đọc. Nếu hay, ta tán thưởng ; nếu dở, ta phải bầy tỏ ý kiến của ta, như vậy mới bổ ích cho kiến thức của ta được.

Nếu ai ai đọc sách, đọc báo cũng làm như thế, thì các nhà văn phải thận trọng bội phần mà không dám hàm hồ khinh thị độc-giả.

Song xét trên đời, muôn việc đều có nguyên nhân : lúa không cấy, sao được gặt, gạo không nấu, sao thành cơm? Sở dĩ có văn-sĩ bất cẩn, vì tại có độc-giả bất cẩn gây nên ; có các nhà văn hàm hồ không chịu thận trọng lời nói chữ viết, là vì có nhiều người đọc cẩu thả gặp sao đọc vậy, quá tin ở sách, không chịu phê bình phán đoán. Cho nên có khi các nhà văn vô tình mà cho thế là hay, rồi người này người khác theo nhau, cứ thế viết mãi, e rồi có di-hại cho nền học thuật nước nhà.

Vì vậy, kẻ viết bài này, bất đắc dĩ phải đan cử ra đây mấy việc đã lâu ngày mà không thấy một ai lên tiếng.

Từ quyển Nữ Lưu Văn-Học Sử của ông Sở-Cuồng đến quyển Đại Việt Văn-Học Lịch-Sử của ông Nguyễn Sỹ-Đạo.

Ông Sở-Cuồng là một vị lão-nho, văn-danh nổi dậy, tự Bắc, Trung đến Nam, ai là người đọc sách mà còn không biết tiếng ? Năm 1929, ông biên soạn quyển Nữ-Lưu Văn-Học Sử. là một quyển sách khảo cứu để làm tài liệu cho hậu-sinh, thế mà trong trang 46 ông nói về bà Huyện Thanh-Quan :

« Tính danh bà Huyện Thanh-Quan là gì chưa tra ra được, chỉ biết bà hiệu là Nhàn-Khanh, nguyên người làng Nghi-tàm... Có tập Nhàn-Khanh thi-tập còn truyền tụng. »

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, Phố hàng Bông, Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

MẸO CHỮ HÁN

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng cần phải xem

Giá 0p35 cước 0p.06

Các hiệu sách nên viết thư mua ngay kẻo hết(có trừ hoa hồng nhiều)
Các bạn mua, gửi bằng timbres (cô) cũng được

Thế là ông đã, vì không thận trọng ngòi bút, lẫn bà Huyện Thanh - Quan với bà Nhàn-Khanh.

Từ năm 1929 đến nay, trải 12 năm trường, các độc-giả : từ các nhà tri-thức đến các nhà ngôn luận, tôi không rõ vì vô tình hay hữu ý làm lơ cái « hiệu bà nọ đem gán vào bà kia », hay vì không muốn *biết đọc sách* của ông Sở-Cuồng mà không biết tới, để đến nỗi năm nay, 1941, ông Nguyễn sỹ-Đạo lại trịnh trọng mang cái tài - liệu lầm ấy vào quyển Đại-Việt Văn-Học Lịch-Sử của ông trên trang 102 như sau này :

« Bà Huyện Thanh-Quan hiệu là Nhàn-Khanh, người làng Nghi-tàm cạnh Hà-nội... Bà có tập thơ nôm gọi là Nhàn-Khanh Thi Tập»

Theo chỗ chúng tôi tra cứu, thì Bà Huyện Thanh - Quan họ Nguyễn, con gái ông Nguyễn - Lý đỗ thủ-khoa năm quí-mão (1783) Lê Cảnh - Hưng thứ 44. Ông Nguyễn - Lý sinh năm ất - hợi (1755), mất ngày 21 tháng 8 năm Đinh-dậu (1837). Minh Mệnh thứ 18, thọ 82 tuổi, làm quan Đốc học Sơn-tây và Hải dương. Còn tên húy bà là gì chúng tôi chưa khảo được ra. Chúng tôi đã tìm hỏi ông bạn Nguyễn-Triệu là cháu bà, mà cũng chưa ra, vì ngọc-phả không chua rõ tên con gái.

Còn bà Nhàn-Khanh họ Dương, con gái cụ Phó Đô-ngự-sử ở làng Vân-đình, Hà đông, em gái quan Thượng-thư Dương - Khuê và quan Thiếu Dương Lâm, tên húy là gì cũng chưa khảo được. Bà mới mất năm 1924. Chính là thân mẫu ông Cử Trịnh-đình-Rư, hiện nay làm Giáo - sư ở Hải-dương.

Xét như trên, ông Sở - Cuồng thiếu chút thận trọng, biên lầm, nên sau mới lại có ông Nguyễn sỹ-Đạo biên lầm. Song cái lỗi của ông Sở-Cồng, tuy vậy mà không đáng trách cho lắm, vì ai ai cũng có thể lầm, nhất là những người nhiều việc, vả lại, trong lúc sưu tầm tài liệu bề bộn, sơ ý một tí là có thể xảy ra. Cái đáng trách là đáng trách độc - giả : những nhà học-thức và những nhà ngôn luận, các nhà đó nên phải *biết đọc*, tức là phải phê bình những tác phẩm mới để nâng cao trình độ học - thuật nước nhà ; tán-thưởng cái hay để giúp cho quần chúng biết lấy làm tiêu-chuẩn, mạt sát những cái dở để bớt di-hại cho người đọc sau khỏi mắc những cái lầm lạc như trên.

Ấy đấy là bổn phận của người biết đọc.

Tôi viết đến đây, lại gặp bài « *Một điều rất đáng tiếc cho làng quốc văn ta thiếu cái não hoài nghi* » của cụ Minh-Viên đăng trong báo Tiếng-Dân ra ngày 11-12-41, đính chính bài « *Bức thư của Lý - Bạch, thi thánh đời Đường, đưa cho Hàn-Dũ, (chính là Hàn triều-Tôn) để tự tiên* » của bạn Đồng Hồ đăng trong báo Gió-Mùa số 1 ra ngày 29-11-41. Nếu ai ai đọc sách đọc báo cũng như cụ Minh-Viên, để ý phê bình, đính chính, hầu tránh những lầm lạc mà tác giả có thể phạm được, cho khỏi di ngộ cho người sau, thì thật rất bổ ích cho nền học thuật nước nhà vậy.

Tôi xin bắt chước cụ Minh-Viên lấy bốn chữ « đọc sách xét đời » (độc thư luận thế) của Mạnh-Tử để kết luận bài này, và xin bạn đọc trong quốc dân đừng lãnh đạm ơ-hờ với những sách và báo mình đọc.

Long-Điền Nguyễn văn Minh

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 món	0p.30
A-D.-Đà kinh. Có 3 bổn : chữ Hán, quốc - âm, quốc-van	0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Vu-lam, Phổ-môn (kinh tụng)	0.40
Sự tích Phật A Di-Đà	0.20
Phật Pháp vỡ lòng	0.20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay	1.00
Du lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống)	0.90
Triết-lý nhà Phật	1.00
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Na-Tiên Tỳ-kheo kinh (cuộc luận đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư)	0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ chữ vàng.	5.50

Gởi mandat, phụ thêm 10 % cước phí.

Địa chỉ : Monsieur
ĐOÀN - TRUNG-CÔN
143 rue de Louvain Saigon

Số xuân Tri-Tân

(Nhâm-Ngọ, 1941)

Họa-sĩ Trịnh-Vân sẽ trình bày.

Hoa - Bằng sẽ đề mấy giòng chữ « hành thư »

Thi-sĩ Minh-Tuyền sẽ hòa giọng cùng các bạn thân-yêu ngâm mấy vần tươi mới, hùng-tráng...

Nhà tiểu-thuyết Chu-Thiên sẽ tặng độc-giả thiên truyện ngắn rất có hứng-vị khiến người đọc đến phải cảm-động, say-sưa ..

Ngoài ra, những ngòi bút đứng-đắn mà các bạn vẫn quen biết sẽ gặp nhau trên những trang số xuân Nhâm-Ngọ của Tri-Tân...

Sử-học luận-đàn

Như Tri-Tân số 23 đã nói, bản-chí mở ra mục này là cốt hoan nghênh những kiến giải của các bạn hoặc tỏ ý dị đồng đối với một vấn đề gì về sử học, hoặc tranh luận hay giải thích những điểm đáng ngờ trên trang lịch sử Việt-nam.

Thì tiếng chuông của bản-chí đã có vang-dội.

Trước tiên ông Kiều Thanh Quế nói về những điểm mà ông nhận là « Quốc sử chép đúng ». Sau đó, ông Lam Giang thảo luận lại với ông Kiều. Nay bản chí lại nhận được bài sau đây của ông Lê-Văn-Hoè trả lời ông Kiều Thanh Quế. Bản-chí cứ xin lấy công tâm mà lạc đăng. Có điều cần phải thanh minh để các bạn rõ : Trong khi tranh luận một vấn đề về sử học cũng như về văn học v.v... ta cố giữ lấy thái độ vô tư của ngòi bút chân chính, chứ đừng dùng những mánh lới cạnh khóe về cá nhân. Vậy bất cứ đối với bài của ai, bản chí hễ thấy có chỗ nào phạm vào những điều tối kỵ ấy, thì hết sức buộc phải tránh đi. Xin các bạn lượng biết cho. T. T.

« Sử-ký » chép lầm hay Quốc sử chép không đúng ?

TRONG T. T. số 23, ông Kiều Thanh-Quế có viết bài nhan là « *Quốc-sử chép đúng* », chủ ý nói rằng con gái vua Hùng-vương thứ 18 *đích* là *Mị-nương* và con gái An-dương-vương *đích* là *Mị-châu*, Quốc sử chép rất đúng, *không cần phải đính ngoa lôi thôi gì*, như tôi đã làm trong cuốn *Quốc-sử đính ngoa*.

Để chứng thực cho lời quyết đoán của ông, ông trưng ra một tài liệu trích trong sách *Sử-ký* của Tư mã-Thiên, mà ông cho là xác đáng lắm. Theo tài liệu đó, thì *người Việt và người Âu-lạc đều thuộc họ Mị cả*.

Trước khi trả lời ông Kiều Thanh Quế, tôi hãy xin có lời cảm tạ ông và tôi rất lấy làm mừng rằng ngày nay các bạn thanh niên ta đã biết chịu khó trông tìm và đã dám mạnh bạo bước chân vào miếng đất khảo cứu sử học, như ông Kiều Thánh-Quế là một.

Tôi khen ông đã chịu khó đọc cả *Sử-ký* của Tư mã-Thiên, song tôi còn bất mãn về một điều là ông đọc sử một cách quá ư thụ động. Vì ông đã :

1. — Quá tin theo Sử-ký Tư mã-Thiên cùng những học-giả chú thích sách ấy.

2. — Quả quyết rằng Quốc-sử chép đúng ;

◆

Họ Hồng-bàng tính từ vua Kinh-dương-vương cho tới hết 18 đời Hùng-vương (hay Lạc-vương), theo sự khảo-cứu của các nhà sử-học người Pháp, áng chừng vào khoảng từ năm 2879 đến năm 258 trước Thiên-chúa giáng-sinh, nghĩa là ngang với các đời Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn, Hạ, Thương, Âu, Chu nước Tàu

Tư-mã-Thiên, tác-giả bộ *Sử-ký*, là một sử-gia sinh vào thời vua Hán Văn-đế, nghĩa là ngang với đời Triệu-đà, tức là sau đời Hùng-vương những 2000 năm. Không những cách nhau về thời-gian xa như vậy, mà về không-gian cũng chẳng gần gì. Tư-mã-Thiên là người Hán, còn người nước ta thời trước bị coi là dân mọi-rợ, sống làm sao thì sống, doanh-hư, tiên-trưởng, người Hán có thèm đếm-xỉa gì đến đâu. Thậm chí đến Triệu-Đà là người Tàu sang chiếm đất nước ta làm vua mà cũng tự xưng là « Man-di đại-trưởng » với vua Tàu, nghĩa là chính Triệu-Đà cũng coi dân dưới quyền mình là man-di cả.

Vả chăng, trước đời Hán Văn-đế (tức là đời Tư mã-Thiên) đời Tần cũng như Chu, đời Hoàng-đế, người ta chẳng thấy sách vở gì của Tàu nói đến lai lịch và gốc tích của tổ-tiên chúng ta.

Thế thì, mấy lời chép trong *Sử-ký* của Tư mã-Thiên lấy gì làm căn cứ mà tin là đích xác được ?

Tư mã-Thiên có thể bịa đặt ra, tưởng tượng ra mà viết về gốc tích dân Nam-việt dưới quyền Triệu-Đà. Thời thế xa vời, sơn xuyên cách trở, người Hán cũng như người Việt, không ai cãi được lời sử gia.

Thời-kỳ ấy ở nước ta cũng như ở nước Tàu, là thời-kỳ khuyết-sử, nên ngay sử của quê-hương (là nước Tàu) Tư-mã Thiên, cũng không thể chép xác-thực được, huống chi là sử nước ta.

Chẳng cần phải khảo-cứu gì nhiều, chỉ có một chút « lương tri » (bon sens), người ta cũng biết ngay là không thể tin được ở tài-liệu của *Sử-ký* về thời tiền-lịch-sử đó.

Cho nên, các nhà chép sử Pháp, Nam từ trước tới nay có ai chép *người Việt và người Âu-lạc đều thuộc họ Mị đâu* ? Ông Kiều-Thanh Quế chớ tưởng lầm trước ông, không ai được cái hân-hạnh đọc bộ *Sử-ký*.

Hãy tạm cho *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên chép đúng, và chủ-kiến của ông Kiều-Thanh-Quế không sai-lầm ta sẽ thấy ông mâu-thuẫn với ông :

Nhận rằng Tư-mã-Thiên chép đúng tức là bảo rằng Quốc-sử chép lầm. Vì Quốc-sử chép họ các vua Hùng-vương (hay Lạc-vương) là họ Hồng-bàng ; họ An-dương-vương là kẻ xâm-lược nước Văn-lang, là họ Thục, chứ không chép là họ *Mị*. Con trai vua Hùng-vương gọi là Quan-lang chứ không phải *Mị-lang*. Và giòng-dõi Hùng-vương cùng dân Việt sau này cũng không có ai là người họ *Mị*

Như vậy, thì một là cho rằng Quốc-sử chép lầm và nhận Tư-mã-Thiên chép đúng ; hai là phải bảo Tư-mã-Thiên chép lầm và nhận rằng Quốc-sử chép đúng.

Xem tiếp trang 13

LÊ-VĂN-HÒE

Số 16

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

LỐI văn « lục bát », nó là đặc-điểm của văn-học Việt-Nam !

«Lục bát gián thất», nó cũng là một đặc-điểm của văn-học Việt-Nam !

Bài hát ả đào, nay nó lại góp thêm một cái đặc-điểm vào văn-học nữa !

Trải đời Lý Tổ qua đời Lý Thái, lối hát-xướng đã dần dần thịnh hành : Năm Kiền-phù hữu-đạo thứ 3 (1041), có tuyển vào cung hơn 100 người nhạc-kỹ. Đủ biết bấy giờ đã có nhiều người làm nghề xướng ca.

Một khi nghề hát đã thịnh, quốc-văn nhân đó nổi lên, dọn đường cho lối thi, phú nôm ở đời Trần sau này.

TIẾT HAI

VẠN HẠNH (? — 1018)

Họ Nguyễn, người làng Cổ-pháp, Vạn Hạnh là con nhà xưa nay vẫn mộ Thiền. Từ bé đã khác người, học thông tam giáo, và nghiên-cứu hết cả bách luận.

Chịu ảnh-hưởng của nền Phật học nhiều hơn, Vạn-Hạnh ngó đai, mão, ngựa, xe bằng con mắt ảnh nhạt.

Hồi 21 tuổi, ông xuất gia, thụ giới nơi Lục Tổ thiền-ông, rồi tu ở chùa Lục-Tổ làng Dịch-bảng, phủ Thiên-đức, hiệu là Vạn-Hạnh thiền-sư.

Dưa, muối, nâu xồng, ngày tháng vui cùng thầy, bạn. Những khi làm xong công việc nhà chùa, ông thường tham đọc sách, quên mỏi mệt.

Đức ngày trọng, đạo ngày cao, ông được vua Lê Đại-Hành tôn kính lắm.

Ông có tài liệu sự rất đúng : khi giặc Hầu-nhân-Bảo nhà Tống sang xâm Việt-Nam, chính ông có đoán trước với vua Đại-Hành rằng, nội trong 21 ngày, thế nào giặc cũng phải lùi. Sau quả đúng như vậy. Về việc bàn đánh Chiêm-thành, chính ông khuyên vua Lê-Hoàn nên đi mau kẻo lỡ cơ-hội. Nghe lời ông, ngài đi, quả được thắng trận. Đó, ông dẫu đi tu, song vẫn lo giúp xã-hội : đóng một vai cố-vấn trọng-yếu cho vua Lê Đại-Hành.

Có mắt thấy xa thời cục, ông biết trước về việc Lý sẽ thay Lê, nên có câu :

Tật-Lê chìm biển Bắc,
Cây Lý mọc trời Nam :
Bốn phương tắt binh lửa,
Tám cõi mừng binh an ! (Dịch)

Vì ông có công ơn dạy dỗ và cổ-động dọn đường (1) cho Lý công-Uẩn, nên một khi nhảy lên ngai vàng, vua Lý Thái-Tổ phong ngay ông làm quốc sư để tỏ lòng tôn sùng báo đáp.

Khi sắp tịch, ông có bài thơ này ngỏ cùng đệ tử :

Thân như chớp nhoáng, có rồi không !
Xuân tươi, thu rạc, cỏ cây cùng.
Mặc vận thịnh, suy không sợ hãi !
Thịnh, suy : đầu cỏ, giọt sương trong. (Dịch)

Trước đó, ông còn có bốn câu thơ nữa đưa cho Đỗ-Ngân, là kẻ chực ám hại ông, song lời văn thuộc lối chiết tự đoán nghĩa, có vẻ cổ quái, nhiệm mầu, nên xin miễn chép.

Trong tập « Thiền Uyển Tập Anh » nói ông mất ngày 15, tháng 5, năm Ứng thiên thứ 9. Nhưng nay xét : Ứng-thiên là niên hiệu của vua Lê Đại Hành. Vậy mà ông Vạn Hạnh, dưới triều Lê Ngoạ Triều, còn bị Lý công Uẩn sai người anh đem giấu ông ở chùa Tiêu-sơn vì sợ lộ việc đoán câu sấm ngữ : « Hòa đao mộc lạc, thập bát tử thành... » Như vậy nghĩa là ông Vạn Hạnh còn sống hết đời Lê Đại Hành, Lê Trung-Tông, Lê Ngọa-Triều rồi đến đời Lý Thái-Tổ, nên mới có những việc cổ-động cho Lý và được Lý phong làm quốc-sư như trên đã nói chứ ? Vậy chắc là sách « Thiền-uyển » chép sai hoặc in sai : Lầm niên hiệu Thuận-thiên Lý Thái Tổ làm niên hiệu Ứng thiên.

Nay xin cải chính : ông Vạn Hạnh mất ngày 15, tháng 5, năm Thuận thiên thứ 9 (1018) đời vua Lý Thái Tổ.

TIẾT BA

LÝ-THÁI-TỔ (973-1028)

Ngài, người làng Cổ pháp (nay là Đình-bảng), tỉnh Bắc-ninh, con bà Phạm-thị và là con nuôi sư Lý-Khánh-Văn, nên lấy theo họ Lý.

Mới thoát được nhìn ánh sáng (973), Công-Uẩn, tức vua Lý Tổ tương lai, đã không có cha. Hồi ba tuổi, cảnh tiêu-điều của con nít ngộ-nghĩnh, xinh-xắn kia làm cảm-động lòng từ-bi sư Lý Khánh-Văn ở chùa Tiêu-sơn, Công-Uẩn được sư tế-độ từ đó.

Làm con nuôi sư Khánh-Văn, từ bé Công-Uẩn đã thở hút không-khí bác-ái, hi-sinh và nhẫn-nại.

Được hưởng giáo-dục của một nền triết-học cao thâm, Công-Uẩn là người khẳng khái, có chí, hết lòng trung với nghĩa-vụ (2), công-bình, nhân-hậu đối với mọi việc và khoan-thứ đối với mọi người.

Lên thay Lê, trong vòng 19 năm trị vì, vua Lý Thái-Tổ tỏ ra có cái thủ-đoạn là một anh chúa.

Vì có sáng kiến, ngài mới dời đô từ Hoa-lư (thuộc Ninh-bình) lên Thăng-long (nay là Hà-nội), mở cho người sau một con đường mới-mẻ, rộng-rãi. Việc đó thật đáng ghi vào một trang đặc biệt trong bộ sử Nam.

Năm Thuận-thiên nguyên niên (1010), chính ngài tự viết một bài văn, — theo lối xưa kêu là bài chiếu, — để cổ-động về việc thiên đô đó.

Nguyên văn bằng chữ Hán, lời mạnh, ý-tứ dồi-dào, lý-luận đanh-thép, đủ sức thúc-giục lòng người nghe theo. Nay xin trích dịch ít câu để giới-thiệu cùng các bạn :

« ..... Nơi đó (chỉ Thăng-long) đất rộng và bằng phẳng, cao và quang đãng. Dân ở không có cái nạn ẩm thấp, tối-tăm, muôn vật rất được nở nang thịnh vượng. Coi xuốt nước Nam, riêng đó tốt đẹp. Thật là chỗ yếu địa bốn phương sum họp và là nơi kinh đô muôn đời của đế vương... » (Nguyên văn chữ Hán có in trong bộ « Hoàng việt văn tuyển » của Bùi Tồn Am).

Ngài là một nhà được nắn đúc theo khuôn Phật giáo từ thủa bé. Tuy ngài không có nhiều tác-phẩm để lại, nhưng ta coi một bài thủ chiếu dời đô đó cũng đủ biết ngài là tay học rộng, văn hùng.

Còn bài thơ tứ tuyệt bằng chữ Hán tả cảnh « đêm ngủ không dám ruỗi chân vì sợ chuyển động non sông xã tắc » mà người ta cho là của ngài (3) thì tôi không dám công nhận, bởi nó thuộc về « Thần thoại » (légende), không đủ điều kiện đáng tin, nên nay không cho vào tác phẩm của ngài.

1) Những câu sấm-vĩ đời bấy giờ có lẽ đều do ông đặt ra để tôn-phò nhà Lý.

2) Khi làm chức cấm-quân triều Lê, thấy Long-Việt (Trung-Tôn) bị giết, ông ôm thây Long-Việt mà khóc

3) Ở mục « Tạp ký » trong tập « Lịch đại danh thần sự-trạng » (bản viết, không có lời tựa, không thấy đề tên tác giả) có chép : khi vua Lý Thái-Tổ còn bé, phạm phải lỗi nhỏ, ngài bị thầy học bắt nằm ở đất, bèn làm bài thơ :

Thiên vi khâm, trầm, địa vi triên ;
Nhật nguyệt đồng song đối ngã miên
Dạ thâm, bất cảm thân trường túc,
Chỉ khủng sơn hà, xã tắc điên.

Nghĩa :

Lấy trời đất làm màn, gối, chăn đệm ; có mặt trời, mặt trăng chiếu vào cửa sổ cùng ngủ với ta. Đêm khuya, ta không dám ruỗi dài chân là vì chỉ sợ làm cho non sông xã tắc phải chuyển-rung, điên đảo !

Sử-học luận-đàm

Tiếp theo trang 11

Đằng này, ông Kiều Thanh-Quế lại vừa nhận rằng Tư mã-Thiên chép đúng, vừa bảo Quốc-sử không lầm.

Thành ra ông tự phản-đối mình.

Sở dĩ tôi muốn đính-chính tên Mị-Nương và Mị-Châu, là vì trong Quốc-sử trên có chép : « Con gái vua gọi là Mị-nương », dưới lại chép « con gái vua Hùng vương thứ 18 tên là Mị-Nương ».

Nói *« con trai vua gọi là Quan-lang, con gái vua gọi là Mị-nương »*, tức là nói *Quan-lang* và *Mị nương* là những danh từ chung để chỉ con vua Danh-từ chung ấy sau lại xách lên làm danh-từ riêng, nên tôi nhận thấy có sự lầm. Thế thôi.

Tôi tưởng ai cũng phải nghĩ như tôi, không ngờ ông Kiều Thanh-Quế lại không nghĩ thế, nên tôi phải trả lời ở đây.

LÊ VĂN-HÒE

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MỄ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p 20, cước thường 0p 06 gửi bằng tem (có) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, phố hàng Bông Hanoi

Sắc-văn của vua GIA-LONG

phong đức Bá-đa-lộc (Evêque d'Adran) tước Thái-tử Thái-phó Bi-nhu quận-công

Thúc-ngọc TRẦN-VĂN-GIÁP dịch

Dịch âm

SẮC viết.

Triết nhân ư tri-kỷ, cố bất vễn thiên lý nhi lai ;

Hảo hội chính tương-thân, hựu hà nhẫn nhất triêu nhi thệ.

Diến tư cựu đức ;

Tái bí tân ân.

Phú-lãng-sa quốc cố đặc-sai đạt mạnh điều-chế chiến tàu thủy bộ viện binh Giám-mục Bá-đa-lộc thượng sư,

Tây thổ vĩ nhân,

Nam triều thượng khách.

Tồng giốc nhật, hạnh phùng giai khế, chí khí giao phu ;

Thảo muội thi, cận tiếp đức âm, tuân tư thực lại.

Ngẫu trị quốc gia đa nạn, dư thì đinh Hạ-Thiếu chi khi-khu.

Phiên giao thiên hải lưỡng kỳ, công doãn địch Hạn-chừ chi a-bảo.

Tuy vãng tố ngôn hài vu tông quốc, đặc dĩ binh lai viện, bán đồ nhi sự dữ tâm vi ;

Nhiên đồng cừu nghĩ tác vu cổ nhân, ninh vị nghĩa tương qua, cộng hội nhi mưu thừa hấn phát.

Mậu-thân phản cố bang chi bái, chính vọng hảo âm ;

Canh-tuất phù Đông-phố chi chu, gi đôn tin ước.

Tốn ngôn thì phục, chính dưỡng mông chi sư đạo vưu nghiêm ;

Tấn tiếp nhật thường, long chửng hoán chi kỳ mưu dũ xuất.

Đạo đức trung đàm tiếu, nghĩa kỷ khế vu hạp trâm ;

Phong trần ngoại kinh doanh, tình vưu phù vu liên bí.

Thủy-chung chi chân tâm bất nhị;

Bình-sinh chi kỳ ngộ quân hoan.

Dãn kỳ lịch quá niên hoa, vĩnh vi hiếu dã ;

Thùy liệu trần mai ngọc thụ, tĩnh ngôn tư chi.

Viên tặng vi Thái-tử Thái-phó Bi-nhu quận-công thụy viết Trung-ý,

Dĩ chương thạc đức chi u-hình ;

Dĩ biểu gia tân chi vĩ-tịch.

Y hi !

Khách tình nhất vẫn, Thiên-đường chi khứ nan lưu ;

Hoa cồn vinh bao, Ngụy khuyết chi tình hạt khánh.

Ê công linh-sảng,

Mộc ngã sủng quan.

Cố sắc.

Cảnh-hưng lục thập niên, thập nhất nguyệt, thập nhị nhật.

Dịch nghĩa

Sắc rằng :

Bậc hiền-triết đối kẻ biết mình, chẳng quản xa-xôi nghìn dặm ;

Cuộc gặp-gỡ chính đương thân-mật, nỡ đâu thác bỏ một khi.

Nhớ đức cũ xưa ; nay ban ân mới

Đức Thượng-sư Giám-mục Bá-đa-lộc, đặc phái của nước Phú-lãng-sa đề đ ều-chế chiến thuyền cùng thủy lục cứu viện quân,

Vốn giòng Tây-thổ vĩ-nhân ; là bậc Nam-triều thượng khách.

Ta thơ trẻ, gặp cùng bạn tốt, chí khí hòa hai.

Thời loạn-li, gần tiếp đức-âm, hỏi hau nhờ cậy.

Chẳng may gặp nước nhà đa nạn, ta như Hạ-Thiếu, đương lúc khi khu;

Chợt xẩy khi trời biển đôi nơi, ngươi giúp Hán-chừ, xứng công a-bảo.

Trở về Pháp-quốc, cầu quân cứu-viện, tuy nửa đường, việc chẳng như lòng ;

Theo dấu cổ-nhân, vị nghĩa đồng cừu, muốn cùng hội, mưu rồi thừa hấn.

Năm mậu-thân (1788), cờ vừa trở lại cố bang, những mong tin-tức ;

Năm canh-tuất (1790), thuyền lại gặp nơi Đông-phố, bền giữ ước xưa.

Ngôn từ khoan-nhã, dưỡng mông sư-đạo càng nghiêm ;

Giao-tiếp thường ngày, thao lược kỳ mưu hằng lạ.

Khi luận bàn đạo-đức, nghĩa đã cùng khăng-khít hạp-trâm ;

Buổi lận-đận phong-trần, tình lại hợp đinh-ninh liên-bí.

Trước sau một bụng ; gặp gỡ đều vui.

Những mong thọ hưởng tuổi trời, lâu dài vui-vẻ ;

Nào ngờ cây ngọc vùi đất, thổn-thức nhớ thương.

Vậy nay, tặng phong Thái-tử Thái-phó Bi-nhu quận-công thụy Trung-ý,

Để : rõ rệt u hình đức lớn ; để : biểu dương vĩ tích khách sang.

Thương ôi !

Khách tình bóng lặn, lánh Thiên-đường khôn nỗi nài lưu ;

Hoa cồn nhời phong, tình Ngụy khuyết biết bao xiết kể !

Linh sảng có hay ; Ân quang nhận lấy.

Nay sắc.

Năm Cảnh-hưng thứ 60, ngày 20 tháng một (1799).

KỲ SAU :

Những truyền-thuyết đời thượng-cổ của nước ta

ĐÀO DUY-ANH

HƯƠNG - CẢNG

NHẬT-NHAM

HƯƠNG - CẢNG, một hải-đảo miền Hoa-nam, thuộc Đế-quốc Anh-cát-lợi từ đầu thế-kỷ thứ 17 Tuy vậy, cách một trăm năm sau, mãi đến đầu thế-kỷ thứ 18, người Anh mới giao-dịch thỏa-hợp với dân Trung-hoa.

Ấn-độ thương-cục mở tại Hương-cảng, từ 1708 đã chiếm hết quyền-lợi trên thương - trường Trung-quốc, trong vòng 150 năm, cho tới năm 1858.

Lúc đầu, sự giao-dịch gặp nhiều nỗi khó-khăn. Vua Mãn-thanh cấm người ngoại-quốc, nhất là người Bồ-đào-nha, không được lưu-trú tại Quảng-đông, chỉ dành riêng cho người Âu 300 thước đất để mở cửa hàng. Rồi non ba thế-kỷ (1553-1842), nơi ấy là trung-tâm của sự mậu-dịch người Âu, một nơi gặp gỡ của các thương-thuyền Anh, Pháp, Hà-lan, vân vân. Việc buôn bán giữa người Âu và người Tàu tuy được hành-động suốt năm, song hàng-hóa phải qua tay một ủy-viên của nhà vua làm trung-gian. Chính người ủy-viên nhà vua đã lợi dụng sự độc quyền ấy mà đầu-cơ trục-lợi, bóp chẹt thương-gia Âu-tây.

Thời ấy, Ấn-độ thương-cục của người Anh buôn-bán to nhất, sau đến công-ty Ấn-độ của người Pháp cũng rất phát đạt.

Cuối thế-kỷ thứ 18, sự giao-dịch gặp nhiều nỗi khó-khăn với các quan-chức Tàu, nên người Anh cho phái bộ tới Bắc-kinh phản-kháng, song cũng vô hiệu. Lại thêm nhiều trở-lực cho việc khuếch-trương thương-mại, người Anh cương-quyết phản-kháng đến cùng. Nhiều phái-bộ lại đến Bắc-kinh năm 1816 và 1834.

Tình-thế kéo dài đến năm 1840. Năm ấy người Anh đã chiếm một địa-vị quan-trọng tại thị-trường Quảng-đông. Họ tiêu-thụ rất nhiều thuốc-phiện là một sản-phẩm từ Ấn-độ đưa đến. Người Tàu rất thích nha-phiến, nhiều người mắc nghiện.

Vua Mãn-thanh biết cái hại của nha-phiến : đầu độc quần chúng ! Cho nên năm 1839, Chính - phủ Trung-hoa tịch-thu hai vạn hòm nha phiến ký trong các hiệu buôn của người Anh ; rồi đem hủy tất cả (Juin 1839).

Người Anh bèn phong tỏa Quảng-đông, rồi khởi cuộc chiến tranh với Tàu, một cuộc chiến tranh nha phiến khốc hại kéo dài trong một năm (juillet 1840 — aout 1841). Chiến thuyền của Anh tấn công rất mãnh liệt, hải quân đổ bộ lên lục-địa, chiếm được Quảng - đông, Thượng-hải, tiến thẳng tới Nam-kinh là một thị trấn rất quan hệ tại miền Hoa-nam, xưa kia đã từng là kinh đô nước Tàu. Chính phủ Trung-quốc liệu không thể chống nổi, bèn yêu cầu với Anh xin đình chiến ! Ngày 29 aout 1841, hòa ước ký tại Nam-kinh. Tàu phải chịu đền Anh một khoản binh phí, nhường cho Anh quyền sở hữu quần đảo Hương - cảng ở ngay trước mặt Quảng-đông, mở năm thương khẩu Quảng-đông, Amoy, Fontchéon, Ning Po, Thượng-hải, cho người Anh được tự do buôn bán.

Hương-cảng là một hải đảo ở cửa sông Sikiang, cách Quảng-đông 75 hải lý, dài 15 cây số và rộng 8 cây số. Thời ấy, Hương-cảng hình như là một đảo hoang vu, nếu không có một làng dân chài lưới ở dưới chân một ngọn núi bích lập. Cao 500 thước tây, ngọn núi này làm một bức bình phong che gió bão thường không hiếm trong miền duyên-hải.

Sau khi ký hòa ước Nam-kinh xong, Hương cảng bèn tổ chức ngay một hạm-đội tuần-tiễu để kiểm soát triều sông Sikiang và hải khẩu Quảng-đông là một thương khẩu thứ hai của Trung-quốc.

Hương-cảng rất gần Phi-luật-tân và không xa lưu vực sông Yang-Tsé là một vùng đất phì nhiêu.

Từ ngày sự giao thông hàng hải bành trướng trên các đại-dương, Hương-cảng là một cái bến đỗ của các tầu bể từ Tân-gia-ba hay Phi-luật-tân qua biển Trung-hoa, ngược theo triền sông Yang-Tsé, hay đi về hướng bắc tới Cao-ly, Nhật-bản, Nga vân vân.

Địa-thế Hương-cảng đã tạo Hương cảng thành một thương-khẩu to nhất thế giới.

Khởi-thủy là một bến tầu bể, rồi theo sự khuyếch trương của thương mại và sự mở mang nghề hàng hải, Hương-cảng trở nên một thị-trấn rất quan-trọng ở trung-tâm thế giới, một kho hàng sung túc đủ các hạng của thập phương tải đến.

Vì địa thế thuận lợi, nên mới trong vòng một thế kỷ, mà dân số đã tăng một cách mau chóng tới hơn 10 triệu người, trên một hải đảo nhỏ hẹp. Mới trong một thế-kỷ mà số tầu các nước qua lại thông thương càng ngày càng nhiều. Nhờ đó sự giao dịch phát đạt, đã đặt Hương-cảng lên địa vị một thương cảng thứ hai của Đế-quốc Anh-Cát-lợi, sau kinh thành Luân-đôn.

Hương-cảng chóng được phồn-thịnh như thế, nên chẳng bao lâu không đủ địa-thế cho sự mở mang về mọi phương-diện, nên năm 1861, người Anh lại mua thêm của Tầu doi đất Cửu-long, ngay trước mặt Hương-cảng. Nhưng theo sự tiến-hóa, doi đất Cửu-long cũng chưa đủ, Anh lại điều-đình với Chính-phủ Trung hoa thuê thêm, trong 1 hạn 99 năm, một khoảng đất rộng 25 cây số chiều sâu.

Từ đó, miền duyên-hải Hương-cảng kiến-thiết lại thành một cái bến rất tiện-lợi cho các tầu qua lại, một cửa bể to của Trung-hoa giao-thông với thế-giới.

Hương-Cảng được thịnh-vượng như thế là nhờ có cơ-quan phòng-thủ rất kiên - cố. Hương - cảng phòng-thủ không kém quân cảng Gibraltar bện Âu-châu Nhờ có

Thống chế Pétain đã nói:

« Tôi biết các người tận tâm với nước Pháp. Hãy yêu nước Pháp và hãy yêu Tổ-quốc; có như vậy thì mới hiểu và yêu nước Pháp hơn ».

nhiều núi hiểm-trở, nên rất tiện cho việc đặt các cơ-quan quân-sự. Trên đỉnh núi, có súng đại-bác, dưới đất, có địa-lôi-phục, dưới nước, lại đặt thủy-lôi.

Công việc tuần-cảnh rất chỉnh-bị. Sở do-thám để mắt khắp các nơi.

Hương-cảng kiểm-soát từ Macao đến Petchili, từ triền sông Yang Tsé đến Se Tchouan, miền duyên-hải; các hải-khẩu, hải-đăng, cả về quan-thuế thương-chính.

Hương-cảng che chở cho các đường thông-thương của Anh lan khắp trên giải đất Trung-hoa.

Cách đây ba năm, Nhật-bản định kết-liễu cuộc chiến-tranh với Tầu, cho quân đổ bộ lên lục-địa miền Hoa-Nam, ngay cạnh Hương-cảng, định kiểm-soát sự giao-dịch giữa Hương-cảng với Tầu.

Nhật chiếm các miền cách Hương-cảng 50 cây số, lực-lượng của Nhật bao vây Hương-cảng làm cho một thương-khẩu quan-trọng của thế-giới phải dần dần kém về phồn-thịnh mà trở lại địa vị một hải-đảo hồi 1842, không còn giữ được nguyên cái lực-lượng đã bao trùm từ Tân-gia-ba đến Hải-sâm-uy như trước nữa.

Ngày nay, tình-thế Hương-cảng lại khác hơn.

8 Décembre 1941, Thái-bình-dương nổi sóng!

Sau khi chiếm được đoi đất Cửu-long, Nhật đã tấn-công vào Hương-cảng. Hải-quân Nhật phong-tỏa Hương-cảng trên một giải 2000 cây số, ngăn không cho các tầu Anh (tầu khu-trục, tầu đặt thủy-lôi cùng các pháo-thuyền) trốn chạy hay phá hủy.

Hương-cảng tuy gần bờ bể, nhưng không có trường bay tốt, nên từ lâu đã bị coi là một nơi không hợp với phương-pháp chiến-tranh tối-tân.

Dù sao, Hương-cảng vẫn là một hàng pháo-đài mạnh ẩn ở phía trong, có một số quân đóng giữ quan-trọng.

Thế mà tình-thế Hương-cảng bị nguy-ngập ngay trong trận tiến công đầu tiên sau năm ngày đại-bác bắn phá và 15 ngày vây hãm.

Đêm 18 rạng 19 Décembre 1941, quân Nhật đã đổ bộ lên đảo Hương-cảng và chiếm các địa-điểm trọng-yếu.

Quân Anh đã rút lui về Victoria Peak là mỏm đảo xa nhất.

Hiện nay, Nhật đã chiếm được 8 phần 10 Hương-cảng. Việc này rất quan-trọng về phương-diện binh-bị cũng như về mặt chính-trị của Anh. Hương-cảng chẳng những là một trong các căn-cứ mạnh của Anh trên thế-giới, mà ngoài cái địa-điểm quan-yếu, lại còn có giá-trị về biểu-hiệu nữa.

Về mặt quân-sự, Nhật lấy được Hương-cảng sẽ không phải lo đánh phía hữu-dực con đường giao-thông mặt thủy nữa. Nhật sẽ có toàn-lực trong bể Trung hoa để đánh Manille và căn-cứ Mỹ tại Phi-luật tân.

NHẬT-NHAM

Hộp thư

Ô. Đào văn-Hội cần thơ—quyển V.N. C.T. hết cả rồi, ông lấy quyển khác vậy.

Ô. Phan-Soạn—ông ở đâu phải cho nhà báo biết ngay tin tức, nếu không sẽ có sự không hay cho ông.

Tin vắn hàng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Đô-đốc Decoux, toàn-quyền Đông dương, được cử làm Thượng-sứ Pháp ở Thái-bình-dương.

Chuyến xe lửa Saigon-Hanoi hôm 22 Décembre 1941, lúc tới cây số 216, giữa ga Văn-chai và Thi-long Thanh-hóa thì đâm phải toa sau của một chuyến xe lửa riêng chạy trước; hai người chết, chín người bị thương nặng.

Hiện nay, sở thủy-binh cần mộ lính thợ biết nghề bản xứ: thợ nguội, thợ tiện, thợ gò, thợ rèn. Hạn đăng định là 4 năm, ít nhất phải 18 tuổi.

Hồi 9h30 sáng 26 Décembre 1941, tại viện Bảo-tàng Maurice Long ở Hội-chợ Hanoi đã cử-hành lễ phát bằng cho các người được thưởng về kỳ thi tiểu-công-nghệ Đông-dương

Từ sáng 27 Décembre 1941 đến 11 janvier 1942, sẽ có cuộc đua xe đạp Hanoi-Saigon, đường dài 1800 cây số chia làm 12 chặng.

Hội-đồng tư-nghị mới họp để sửa đổi chương trình kỳ thi tri-huyện, đặt vài nơi bang-tá vân vân.

Hội đồng thành-phố Hanoi xin tăng số xe tay lên 400 chiếc, mỗi người chủ xe sẽ được cho lưu-hành ít nhất là 10 chiếc và nhiều nhất 100 chiếc. Những cai làm môi giới cho thuê xe sẽ bãi đi. Chủ xe cho thuê xe thẳng với phu xe để đỡ nạn đầu cơ trục lợi.

Đã có cuộc trưng bầy tác phẩm mỹ-thuật Nhật-bản tại Gò-đa Hanoi.

Tại nhà hát tây, diễn kịch giúp quỹ cứu-tế nạn-nhân của chiến-tranh

QUỐC-TẾ

Mục-đích Nhật lấy Phi-luật-tân trước rồi mới đánh vào Tân-gia-ba.

Hải-quân và phi-quân Nhật vẫn đánh đảo Hương-cảng và đã lấy được 8 phần 10 trong đảo. 2 vạn quân Anh vẫn kháng-chiến.

Công-cuộc phòng-thủ thụ-động ở Rangoon, kinh-đô Diến-điện, vẫn tiến-hành rất gấp.

Phòng-tuyến Anh ở Mã-lai cách tân-gia-ba không đầy 500 cây số.

Quế-lâm Tàu bị ném bom.

Quân Nhật tổng tấn-công ở Sơn-tây Hoa-Bắc.

Tàu ngầm Nhật hành-động ở bờ bể Californe.

Nhật và Thái ký hiệp-ước liên-minh tương-trợ trong 10 năm.

DỊCH VĂN PHÁP

Bản-chí mới nhận được quyển « **Pháp Nam phục hưng** » *trong có bài văn dịch* « **Lời Thống chế PÉTAIN hiệu triệu thanh-niên Pháp** ».

Dịch bằng văn xuôi cho độc-giả hiểu được những lời tâm-huyết uyên-thâm của Thống-chế, tưởng đã là khó. Lại dịch bằng văn vần mà vần thơ thất ngôn Đường luật thì kể khó biết chừng nào.

Thế mà ông Thủy-Thiên dịch ra thơ, vẫn giữ đúng được cái tinh thần trong nguyên-văn, lời lưu loát mà tao nghĩa minh-bạch mà cảm. Áng văn dịch này thành tất cả 28 bài thơ thất ngôn tứ tuyệt, nay bản chí trích ra sau đây mươi bài, có in cả nguyên-văn bên cạnh để độc-giả so sánh cho dễ biết cái giá trị bản dịch văn.

APPEL ADRESSÉ PAR LE MARÉCHAL PÉTAIN À LA JEUNESSE DE FRANCE

C'est à vous, jeunes Français, que je m'adresse aujourd'hui, à vous qui représentez l'avenir de la France et à qui j'ai voué une affection et une sollicitude particulières.

Vous souffrez dans le présent, vous êtes inquiets pour l'avenir. Le présent est sombre en effet mais l'avenir sera clair si vous savez vous montrer dignes de votre destin.

Vous payez des fautes qui ne sont pas les vôtres ; c'est une dure loi qu'il faut comprendre et accepter, au lieu de la subir ou de se révolter contre elle.

Alors l'épreuve devient bienfaisante, elle trempe les âmes et les corps et prépare les lendemains réparateurs.

L'Atmosphère malsaine dans laquelle ont grandi beaucoup de vos aînés a détendu leur énergie, amolli leur courage, et les a conduits par les chemins fleuris du plaisir à la pire catastrophe de notre histoire.

Pour vous, engagés dès le jeune âge dans les sentiers abrupts, vous apprendrez à préférer aux plaisirs faciles, les joies des difficultés surmontées.

. . . . . .

Comprenez bien, jeunes amis que cet individualisme dont nous nous vantions comme d'un privilège est à l'origine des maux dont nous avons failli périr.

. . . . . .

Lời Thống-Chế Pétain hiệu-triệu thanh-niên Pháp

Ơi hỡi ! Thanh-niên nước Pháp nhà,
Nghe ta khuyên nhủ lẽ gần xa :
Tương-lai của nước nhờ niên-thiếu,
Niên-thiếu, lòng ta mến thiết-tha.

Hiện-tại, thanh-niên cực lắm rồi,
Lại còn lo-lắng nỗi tương-lai.
Tối om hiện-trạng âu đành vậy,
Sau, sáng là như ở các ngươi.

Các ngươi phải chuộc lỗi thay người,
Sự-thế xoay nên biết thế thôi,
Cay-đắng biết sao đành hãy thế,
Căm-hờn cũng chẳng ích cho ai.

Trong cái không may có cái may,
Tâm-hồn thể-phách mạnh từ đây :
Khổ rồi mới biết đường tu-tỉnh,
Tu-tỉnh thì hưng-phục có ngày.

Phần đông huynh-trưởng các ngươi hư,
Vì trưởng-thành trong đám lệ-hoa ;
Chí-khí mỗi ngày thêm mỗi kém,
Sướng vui làm hại vẻ-vang xưa.

Trẻ phải qua ngay bước gập ghềnh,
Khó khăn mà được mới là vinh :
Các ngươi sẽ biết vinh là quí,
Bằng mấy vui thường, dễ đáng khinh.

. . . . . .

Biết chửa ? Thanh-niên, hỡi các ngươi !
« Cá-nhân chủ-nghĩa » hại ta rồi ;
Xưa ta tự-đắc cho là quí,
Suýt nữa thì ta chết chẳng chơi.

. . . . . .

Seul le don de soi donne son sens à la vie individuelle, en la rattachant à quelque chose qui la dépasse, qui l élargit et la magnifie.

. . . . . .

Mes chers amis, il y a une concordance symbolique entre la dure saison qui vous inflige ses privations et ses souffrances, et la douloureuse période que traverse votre pays. Mais au plus fort de l'hiver, gardons intacte notre foi dans le retour du printemps. Oui, jeune Français la France aujourd'hui dépouillée, un jour prochain reverdira refleurira. Puisse le printemps de votre jeunesse s'épanouir bientôt dans le printemps de la France ressuscitée.

Đời cá-nhân mà có nghĩa a !
Là đem thân hiến việc cao-xa,
Cao-xa giá nặng hơn người hiến,
Người hiến thành thêm phẩm-giá ra.

. . . . . .

Hỡi bạn thanh niên thử xét qua :
Giời đông ác-nghiệt xiết bao mà !
Làm ta thiếu-thốn trăm nghìn thứ,
Lại bắt ta nhiều nỗi xót-xa.
Đông-thiên đem sánh với đương-thời.
Là lúc non sông những xụt-xùi,
Cảnh ấy tình này xem xét kỹ,
Đôi bên như hệt, ngẫm không sai.
Song le, trong lúc rét muôn phần,
Cứ vững lòng tin sắp tới xuân.
Nước Pháp giờ như cây trụi lá,
Mai kia tươi tốt lại xanh dần.
Cây xanh hoa lại nở đầy cành,
Mong, buổi giời xuân, các tuổi xanh
Sớm nở rang như hoa nẩy nở,
Hồi-xuân nước Pháp cảnh thăng-bình.

Dịch-giả: THÙY-THIÊN

Đọc

Tiếp theo trang 8

Phải chăng để gợi tấm lòng thương của người đồng chủng ? Thì chúng ta đã tự lãnh cái sứ-mệnh của con nhà cầm bút, có cần chi phải đợi ai thương ?

Mặc dầu hiện nay ở giải đất này, nghề cầm bút không đủ nuôi sống người phụng-sự nó, nhưng chúng ta một khi đã cầm bút, có ngại chi điều đó.

Đã thừa biết những sự thiếu-thốn đó trước khi lăn - lóc với nghề, chúng ta cũng cứ vui-vẻ mà làm theo phận-sự. Ai chưa hiểu chúng ta, chúng ta gắng công làm cho họ hiểu.

Thoi mực của chúng ta ngày nay không «mài bằng nước mắt» mà mài bằng nghị-lực, bằng lòng quả-quyết và bằng chí phấn đấu không ngừng.

Chúng ta vẫn tự-hào mà nhắc lại câu thơ bất-diệt của Vigny : « *Rên rỉ, khóc than, và van lơn đều là hèn-nhát cả.* »

Với những người nào phụng sự văn nghệ mà còn ủy mỵ than phiền rằng nó đơn bạc, chúng ta theo như Boileau mà bảo họ hãy tìm một nghề khác hợp với chí hướng mình để mà nuôi sống vợ con một cách vung vinh.

— Ai bóc lột ta ?

Chúng ta ngại gì mà không phấn đấu tới cùng. Ngồi than vãn phỏng có ích gì ?

— Ai dám bỉ nhà văn là nghèo kiết ? Chúng ta hãy gột rửa bộ óc họ mà nói thẳng vào mặt họ rằng đời nhà văn chúng ta còn có một mục đích cao xa, chứ không như ai sống một cuộc đời không lý tưởng !

Chúng ta cũng như những người khác trong các giới hằng ngày vẫn đụng chạm tới những sự gay go của đời thực tế.

Sự đụng chạm đó không đủ làm cho chúng ta sờn lòng và hơn hết thảy mọi người, chúng ta không bao giờ chịu để nó sai khiến và hành hạ chúng ta.

Văn chương, tư tưởng và sự nghiệp là những điều đáng cho chúng ta thờ phụng. Còn các điều thiếu thốn khác, chúng ta coi khinh.

PHẠM-MẠNH-PHAN

LÝ CHIÊU-HOÀNG

(Kịch lịch-sử bằng thơ) Số 2

PHAN KHẮC-KHOAN viết

CHIÊU-THÁNH (*ra*)

Đây là chỗ mười hai năm về trước
Trong thau bạc ta cười vung rưới nước,
Là nơi ta tuôn rưới lụy ngày nay.
Nước năm xưa vờn má nhỏ hây hây,
Mà má ấy ngày nay vờn suối lệ.
Năm xưa nước rơi vào chàng thơ-trẻ...
Ngán-ngao chưa, ôi, giọt nước vô-tình !
Không làm tươi-thắm mãi chuỗi ngày xanh,
Tưởng giọt nước trung-trinh còn trọn-vẹn...
(*Trần Thái-Tôn ra lắng nghe*)

Giọt nước trước thầm ghi lời hứa-hẹn,
Giọt lệ này ai-oán gởi chia ly.
Chắc muôn sông là lệ thảm tràn-trề,
Trong bốn bể lệ thời-gian ứ đọng.

Tưởng nghiệp lớn... ai hay đành phận mỏng,
Từ đế-vương lùi xuống một cung-phi.
Mười chín xuân nào đã ngại-ngùng chi ?
Mà bỗng-chốc, trời ơi, chăn gối rẽ !

— Đôi uyên-thúy còn đầu xanh tuổi trẻ !

TRẦN THÁI-TÔN

Chăn gối rẽ,
Đôi uyên ương còn thắm trẻ ;
Hai vì vua vừa mười chín cái xuân xanh,
Không, không, không,
Không bao giờ ta lìa rẽ ái khanh !

CHIÊU-THÁNH

Không, Thánh-thượng,
Xin ngài hãy nghe theo lời quốc-trượng.

TRẦN THÁI-TÔN

Không, tên giặc già ta há phải vâng tuân ?
Còn chi là đạo nghĩa quân thần !

CHIÊU-THÁNH

Dầu Thánh-thượng không chuẩn lời tiện thiếp,
Thì thân hèn này đành cũng quyết hy - sinh
Để mong cho triều-chính được yên-bình.

TRẦN-THÁI-TÔN

Không, khanh hỡi,
Ta cũng quyết hy-sinh mười chín tuổi,
Và ngai vàng, và nghiệp lớn, mộng quân-vương
Để còn mong gìn-giữ mối cương thường...

CHIÊU-THÁNH

Nhưng đạo nghĩa cương-thường đương đảo-ngược
Khắp trên dưới xa gần trong một nước ;
Thì quân-vương mong gìn-giữ làm sao ?

Đành giờ nay là ruột thắt, lòng đau,
Giờ quyết biệt chia ly và mãi mãi...

Thiếp xin chàng cùng nhau ta trở lại
Bằng hình dung tưởng tượng của ngày xưa :
Hồi đôi ta còn tám tuổi ngây-thơ.

Thiếp đã tặng dâng chàng-ôi, bỡ ngỡ —
Và ngôi báu và tình yêu luôn một thuở.
Thuở ngày thơ,
Buổi đào tơ,
Thiếp đã tặng dâng chàng
Hai ngôi vàng :
Ngôi vương-bá thiếp xin chàng giữ lại
Cho Trần-thị cơ đồ bền-vững mãi;
Còn ngôi yêu
Xin chịu bạc cùng chàng,
Thiếp xin mang theo mãi dưới suối vàng.

TRẦN THÁI-TÔN

Ôi, kinh-hoàng,
Quyết theo nàng ;
Ta quyết theo, theo mãi dưới suối vàng.

CHIÊU-THÁNH

Không, không thể !
Thiếp van chàng,
Trần-lang ơi, người tuổi trẻ !
Thiếp van chàng, ở lại với giang sơn,
— Thiếp riêng đành cam chịu kiếp cô đơn

TRẦN THÁI TÔN

Không, khanh ơi,
Ta không sao sống nổi với căm-hờn
Khi khanh đã...
Khi bình ngọc, trâm vàng đã tan rã.

CHIÊU THÁNH

Thiếp van chàng,
Giữ lại một ngôi vàng,
Nếu chàng còn ghi nhớ nghĩa tao-khang
Khi ái-ân nơi cung-các lỡ-làng...

TRẦN THÁI-TÔN

Không, Chiêu-hoàng ạ,
Ta không sao ngồi lại để riêng nàng..

CHIÊU THÁNH

Trần-lang ơi,
Xin vĩnh-biệt cùng chàng.

TRẦN THÁI-TÔN

Chiêu-hoàng,
Chiêu-hoàng,
Sao vội vàng ?
Ta van nàng, nàng ở lại .

CHIÊU THÁNH

Lìa rẽ chàng
Thiếp xin đi, xa mãi mãi...
(Chiêu-thánh vội vàng đi ra)

TRẦN THÁI-TÔN

Trời ơi,
Chiêu-thánh đã đi rồi;
Đã mang theo tất cả một vì ngôi
Trong tim gấm :
Mười hai năm,
Mười hai nam ái-ân đằm thắm.
Ta còn mong ở lại để làm chi ?
Ngôi vua kia ta chẳng thiết tha gì !

Giờ có lẽ gió trời rên bi-thiết !
Giờ là lúc cùng các ngươi vĩnh-biệt:
Hỡi ngai vàng, điện ngọc, ấn quân-vương,
Ta đành đi vì đạo nghĩa cương-thường ;
Vì loạn tướng gian thần Trần-thủ-Độ,
Mà hai đấng quân-vương đanh trải mùi tân khổ.
Thôi ta đành đi,
Còn than tiếc nữa mà chi ?
Xưa, trên ngai vàng,
Ta cao ngự cả tim nàng ;
Giờ ngôi báu Yêu đương đà sụp đổ,
Ngôi vương để lại kiếm bên tay hùng-hổ.

Ta đành đi, ẩn náu chốn thiền môn,
Đành hi-sinh mười chín cái xuân non.
Thôi từ này xin cởi giả :
Này mũ ngọc triều-thiên,
Này ngai vàng cao cả,
Giả triều đình gánh nặng của giang-sơn.
— Ngai vàng ơi, ghi lai căm-hờn,

Xin giao hoàn tất cả :
Ta chỉ giữ một tấm thân phò-mã,
Để còn ghi mãi mãi chút tình xưa,
Khi ta vừa lên tám tuổi ngây thơ...

HỒI THỨ HAI

Cảnh một

Cảnh chùa — *Trần Thái-Tôn bận đồ tăng-lữ, rồi Trần Thủ-Độ, và một vị quốc-sư.*

TRẦN THÁI TÔN

Từ cung điện đến tòa sen không mấy chốc !
Thay cổn bào đổi lấy áo cà-sa ;
Ở thế sự quay cuồng như gió lốc :
— Hơn mười năm đầy một giấc nam-kha.

Từ ngai báu không lẽ đành rơi xuống...
Đã lìa ngôi âu lại vướng duyên trần ?
— Tìm liêu tịch để nguôi sầu, quên khổ huống.
Mặc ngoài kia cho gió bụi xoay-vần !

Đây, hương khói vừa bay nơi bảo tọa,
Xưa, lâu, đài, điện, các rất nguy-nga.
Đây, chuông trống mai chiều rung nhẹ nhẽ,
Xưa, thành-trì khủng khiếp những can-qua !

Bọt nước đã tan tành trên sóng cả,
Thì sắc trời, hình núi cũng tan theo ;
Trời Đâu-suất mây vàng bay lã-tã,
Nơi Phật-tiền hồn nhẹ được phiêu-diêu.

Xưa, hai hàng văn võ,
Xưa, uy vũ triều-đình ;
Nay âm thầm tiếng mõ,
Nay, dè-dặt lời kinh...

TRẦN THỦ-ĐỘ *(ra)*

Xin khấu đầu...

T. T. Tôn

Ô hay, đây Phật-tiền hay cung điện một nơi đâu ?

T. T. Độ

Thần đây là thái-sư Trần Thủ-Độ.

T. T. Tôn

Trần Thủ-Độ ?
Người đã phá hai ngai vàng tan đổ ?

TRẦN THỦ-ĐỘ

Không, người đương lo xây-dựng nghiệp nhà Trần.

TRẦN THÁI-TÔN

Người đã quên đạo nghĩa quân thần ?

TRẦN THỦ-ĐỘ

Người tìm đến để cầu mong Thánh-thượng
Ngự giá hồi loan cho yên lòng người quốc-trượng,

TRẦN THÁI-TÔN

Không, không, tôi chỉ là một kẻ thường dân.

TRẦN THỦ-ĐỘ

Không, Ngài là vua, là chúa-tể nhà Trần.

TRẦN THÁI-TÔN

Ta hình như là phò-mã...
Nhưng mà không, không là gì. Người chắc đã...

TRẦN THỦ-ĐỘ

Không, Ngài là vua, là vua, là tất cả.

TRẦN THÁI-TÔN

Không, không, ta tỉnh rồi ; ta là một kẻ bần tăng.

(Còn nữa)

SỐ 5

TIỂU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

ÔNG cụ quắc mắt mắng :

— Im ngay ! thằng Cải kia chỉ láo ! Không phải trò đùa ! Muốn tao *phễn* cho mấy gậy, phải không ?

Cân đã phải vác xác lên vai, hai tay ôm chặt lấy đùi và hai chân kẻ bị nạn, đầu cho ngả về đằng lưng. Hắn cắm đầu chạy đi chạy lại mấy vòng trên đê. Mỗi đà chân chay nhô lên là nước chứa ở trong kẻ bị nạn cứ ồng-ộc tuôn ra. Cân chạy được một lúc khá lâu, ông cụ bảo đứng dừng lại, hạ xác xuống. Một tay ông cụ sờ lên trán, một tay ấn bụng, mặt đăm-đăm nghiêm-nghị, mắt dần dần sáng lên, ông vui-mừng nói :

— Khá lắm ! Bụng dẹp xuống rồi, làm sao cho máu chạy đều là sống. Giờ đến lượt Cải phải vác chạy đi một lúc. Còn anh Thìn chạy về nhà lấy quần áo của cô Mỹ ra đây, để phòng hễ thấy cô ấy hồi-hồi là ta thay luôn cho cô ấy. Làm giống người thấy những người đồng loại bị nạn phải hết lòng cứu cấp chứ lại. *Cứu một người phúc đẳng hà-sa !* . . .

Cải đã vác nạn nhân lên vai chạy đi chạy lại. Thìn tất-tả chạy về nhà. Ông cụ khoanh tay nghiêm-chỉnh đứng điều-khiển cuộc cứu-cấp, và suy nghĩ cách cải-tử hồi sinh cho con người khốn-nạn kia. Bỗng ông cụ đứng ugay người lên giơ tay vẫy-vẫy và nói :

— Ngừng lại, hạ xuống, mau !

Cải vừa đặt nạn-nhân xuống đê, ông cụ cũng ngồi theo ngay xuống, nắn bụng vuốt mặt mũi, vuốt khắp cả mình-mẩy. Ông tại bắt những người ngoài phải mỗi người cầm một tay chân nạn-nhân, nhấc lên hạ xuống đều-đều rất nhịp-nhàng... Còn ông cũng vẫn đều-đều xoa khắp cả thân-thể... Đến lúc Thìn đem quần áo ra, ông ngừng tay bảo mọi người :

— Thôi khoan đã. Để thay quần áo. Mình đã hơi nóng đều rồi, may có cơ qua-khỏi !

Rồi ông đốc-thúc kẻ nâng tay cởi áo ra, kẻ giúp ông mặc áo vào rất lanh-lẹn.

Mặc xong quần áo hẳn-hoi, ông cụ lại xoa vuốt và bắt đầu gọi :

— Tỉnh dậy, cô ơi ! Tỉnh dậy, cô ơi ! Cô ơi ! dậy ! Cô ơi ! .. Cô ơi ! dạy ! !

Nhờ sự tận-tâm của ông lão thuyền chài và bọn trai-trẻ thủy-cư giúp sức, một hồi lâu, nạn-nhân đã dần dần tỉnh, cựa mình, rồi he-hé mắt nhìn lờ-đờ... Cả bọn lại thi nhau hỏi :

— Cô tỉnh hẳn chưa, cô ?

Cô ta cựa mình, nhắm mắt lại, rồi mở to ngơ-ngác hỏi :

— Đây là đâu ? Các ông là ai ?

— Cô đã tỉnh chửa ? Cô có muốn ăn gì không ?

Ông cụ ôn-tồn nói và giả nhời tiếp :

— Chúng tôi quăng chài đánh cá vớt phải cô. Tên cô là gì ? Đi đâu mà nhỡ chân chết đuối vậy ?

— Tôi là Liên-Tường.....

Liên-Tường vừa nói được thế, bỗng nước mắt dàn-dụa ra, vì nàng dần dần nhớ lại mọi việc vừa mới xảy ra đêm hôm trước nàng thổn-thức nói không nên nhời nữa.

Ông lão thuyền chài dịu-dàng nói :

— Vừa bị nạn xong đừng khóc-cô ạ ! Khóc thế có hại lắm đấy ! Già này đã gần bảy mươi tuổi đầu nếm nhiều lao khổ ở đời rồi. Cô nên biết rằng chúng tôi không có hại cô đâu, gặp đồng bào bị nạn sức chúng tôi giúp được đến đâu, chúng tôi cố gắng đến đấy. Cái nghĩa làm người phải vậy. Nếu cô có điều gì uất ức, cô cứ kể ra, may chúng tôi có giúp được thêm cô phần nào chăng. Quê-quán cô ở đâu chúng tôi sẽ xin đưa cô về đến nơi đến chốn.

Mãi lâu, Liên-Tường mới nói được

— Thân tôi khổ lắm, các ông ạ !

Nói xong, nàng lại khóc Ông cụ khuyên-giải và bảo :

— Cô còn mệt lắm. Chúng tôi vực cô xuống thuyền nhé !

Giữa lúc ấy, hai nhà sư nữ đi qua, thấy đám người sùm-sít quanh một người nằm, lần rẽ vào xem và chào :

— Nam mô a-di đà phật ! Chào các quan viên ! Có việc gì vậy !

Ông lão thuyền chài liền đứng dạy đuổi bọn trai-trẻ dãn ra và chắp tay vái chào :

— Nam-mô a-di đà phật ! Bạch nhà chùa, đây là cô Liên-Tường suýt chết đuối, chúng tôi vừa mới vớt lên và cứu sống lại được. Nhưng cô ấy chửa nói tai-vạ làm sao và quê quán ở đâu.

Nhà sư già liền ngồi xuống, vuốt-ve Liên-Tường và gặng hỏi :

— Khốn nạn ! sao thế con ? May mà các ông đây phúc-đức cưu được, không thì uổng một đời ! Tội-nghiệp !

Ông cụ được dịp thuật lại công-việc lúc vớt và cách cứu chữa cho Liên-Tường để hai nhà sư nghe. Hai người chăm-chú nghe, thỉnh-thoảng lại chêm vào một câu :

— A-di-đà-phật ! Công-đức ấy thật vô biên vô lượng !

Ông cụ nói tiếp :

— Bạch nhà chùa, bây giờ cô ấy còn mệt lắm. Ta không nên căn-vặn hỏi mãi. Tôi định hẵng cho cô ấy xuống thuyền nằm nghỉ, tôi bảo trẻ nấu bát cháo nóng cho cô ấy xơi tinh-tỉnh lại, rồi hỏi cô ở đâu, chúng tôi sẽ đưa về đấy.

Vị sư già bảo :

— Hay là thế này cụ ạ, chùa chúng tôi là chùa Liên-Hoa ở gần đây, cụ cho cô ấy xuống thuyền, rồi đưa cô ấy về chùa giúp chúng tôi. Như thế tiện hơn, khỏi khó-nhọc và mất buổi làm của các ông đây. Rồi khi nào cô ấy khỏe mạnh tìm về đến nhà, chúng tôi sẽ bắt đến tạ ơn cụ và các ông tử-tế. Ơn cụ và các ông bao giờ quên được, phải « sống tết, chết giỗ » chứ !

Ông lão cười đáp :

— Nhà chùa cứ dạy quá thế. Chứ có gì mà ơn ! Nhưng bây giờ cô ấy còn mệt lắm. Xin để chúng tôi đưa cô ấy lại bè ăn bát cháo nóng cho hoàn hồn lại đã. Rồi hẵng về chùa có lẽ tốt hơn.

Lão ni vui-vẻ đáp :

— Vâng, cụ lại có lòng tốt thế, thật là may cho cô bé quá. Nào ta đỡ cho cô ấy xuống.

Nói xong, lão ni đỡ lấy đầu đề vị sư trẻ tuổi hơn bế cô xuống thuyền. Ông cụ vội giục người về bè nấu cháo hoa để thiết Liên-Tường.

Khi mọi người đã xuống thuyền cả rồi, lão-ni bảo nhà sư trẻ :

— Thôi, mình chú xuống chùa Đằng, tôi phải đưa cô ấy về chùa. Chú xuống thưa với sư bác rằng rằm này mời sư bác lên chơi. Đi mau lên mà về nhé !

— Bạch cụ, vâng ạ.

Nhà sư trẻ bước lên rồi, mấy cái thuyền đều nhổ sào quay mũi ra sông. Ông lão chài xua bọn trai-trẻ đi làm việc còn mình ông lênh-đênh chèo thuyền về bè, vừa chèo vừa nói chuyện với nhà sư ! Về đến nơi đợi một lúc thì cháo đã được, sư già vội múc ra thổi nguội, đổ cho Liên-Tường. Ăn hết hai miệng bát cháo, nàng đã dần-dần tỉnh hẳn, nói được rõ-ràng. Nhà sư mới gặng hỏi nguồn-cơn và quê-quán. Cảm-kích vì sự tận-tâm cứu giúp của dân chài, nàng đã toan thổ-lộ hết can-tràng cho mọi người biết. Nhưng con chim vừa bị tên, thấy cây nào cong cũng sợ, nàng không khỏi hoài-nghi cả tấm lòng thành-thực của ông cụ chất-phác, nên nàng đổi ý-kiến ngay và bịa đặt ra rằng :

— Bạch sư, con quê ở Kim-quan, mẹ con chết rồi, cha con lấy vợ kế, mẹ kế con ác lắm, hành-hạ con đủ thứ. Đến hôm qua, cha con đi vắng, mẹ kế bắt con đi tìm xuốt đêm, không thấy cha con ở đâu, mẹ con ghen tức, đánh con rồi đem con ra quẳng xuống sông ! May mà trôi đến đây, các ông chài cứu được. Bây giờ con không dám về.

Lão-ni chắp tay nói :

— A di-đà-phật ! Lạy Phật, lạy Tổ phù hộ, con về ở với nhà chùa vậy !

Ông lão thuyền-chài tức-tối nói :

— Sao lại có giống người tàn-nhẫn thế nhỉ ! Hạng người ấy không Giời đánh Thánh vật, rồi cũng voi dày ngựa xé mới đáng kiếp !

VI

Liên-Tường vào chùa Liên-hoa đã được tám hôm. Nhờ nhà chùa hết sức săn-sóc, nàng được bình-phục như thường. Nhưng càng nghĩ đến thân-phận mình, càng nhớ thương cha mẹ, càng căm-giận đứa gian-thần hiểm-độc, nàng lúc nào cũng buồn rầu ủ-rột, bơ-phờ như cành liễu sau cơn bão táp ! Thấy vậy, lão-ni càng lấy làm lạ hết sức khuyên-giải và gặng hỏi mãi. Nể lòng lão-ni, nàng mới gạt nước mắt mà thưa rằng :

— Bạch sư mẫu, hôm nọ, trước mặt ông lão thuyền chài, con đã phạm tội nói dối sư mẫu để giữ mình. Nguyên nhân không phải thế đâu. Con vốn là con gái quan Thượng-thư Phan Công-Độ, hồi hưu ở Phố-Hiến. Đêm hôm ấy, con bị cướp vào bắt bỏ vào bao cói cho xuống thuyền đem đi. Đi đã lâu lắm, con nghe thấy trên sông sôn sao như đánh nhau, rồi có người vác bao cói đựng con nhảy lên bờ hay sao ấy, thế nào buột miệng bao, con rơi tòm xuống sông. Đến gần sáng hôm sau thì nhờ các ông chài cứu sống. Trong bụng con ngờ bọn cướp ấy do Nguyễn-Bái, con Nguyễn-Tân hiện làm đô-đốc kinh-kỳ. Nguyên mấy hôm trước Nguyễn-Bái đem thư của cha ấy đến nói với cha con, xin dạm hỏi con, nhưng cha con không thuận, viết thư từ-tạ thoái-thác. Nên hắn mới đến cướp con về như vậy.

Lão-ni buồn rầu, chậm-rãi nói :

— Con ngờ đúng đấy. Xưa nay ta nghe nói đến tên khốn-nạn ấy đã nhiều. Nó còn kiêng-sợ gì ai, và có từ việc gì là nó không làm ! Thôi, cũng may cho con, thoát khỏi tay con khỉ sám ấy. Nếu không cũng đành chịu thác oan để giữ tuyết sạch, giá trong...

Liên-Tường sụt-sùi đáp :

— Bạch sư mẫu, con đã định cắn lưỡi tự tử ngay ở trong bao. Nhưng chúng nó nhét đầy giẻ vào mồm quá, không sao được.

— Thế là Giời Phật còn tựa nhà con đấy. Giá không có giẻ, con đã cắn lưỡi tự-tử rồi, còn đâu sống sót được đến đây. Vậy con cứ yên tâm nấn-ná cho khỏe hẳn, rồi hẵng về. Nhà chùa sẽ có người đưa con về tử-tế. Đây với Phố-Hiến, đi thuyền chả mấy chốc, con ạ !

— Nhưng bạch sư mẫu, con xin phép sư cho con về thăm nhà để cha mẹ con khỏi lo nghĩ quá về con, không biết sống, chết hư, thực thế nào. Chắc cha mẹ con rất đau khổ lắm. Nay con đã khỏe mạnh rồi mà không về ngay để tuổi già bớt phần lo nghĩ, thì thật là trái đạo làm con.

CHU-THIÊN

(Còn nữa)

Phòng triển-lãm

Tiếp theo trang 2

để những tác-phẩm xuất-sắc ; còn phòng phụ bày các thứ thường. Công-chúng được tự do vào xem không mất tiền.

Phòng triển-lãm không nên nghiêm-khắc và thu hẹp phạm-vi đối với công-chúng. Cần phải làm cho công-chúng hoan-nghênh cuộc trưng-bày, dùng giờ rảnh, lấy đó làm nơi giải-trí, mỗi khi có cuộc triển-lãm.

Đã thỏa lòng tò-mò của quần-chúng, phòng triển-lãm sẽ có ảnh-hưởng sâu xa đến cuộc tiến-hóa của xã-hội, về mặt mỹ-thuật cũng như về phương-diện công-nghệ.

Người mình nay đương quá thiên về hình-thức để hưởng-ứng với sự nhu-cầu của đời hiện-tại. Có điều đáng tiếc là thời-đại ngày nay cơ khí càng thịnh-hành, thì những sự xảo-trá càng sản-xuất, rất có ảnh-hưởng không hay tới tư-tưởng và tình-cảm của người mình. Phòng triển-lãm, nhờ có những tác-phẩm sáng-tạo một cách công-phu, sẽ là một tiếng vang của dĩ-vãng, một công-trình của hiện-tại để gợi lòng chân-thật của quốc-dân. Đó là một điều cần-thiết trong việc khuếch-trương nền mỹ-thuật và công-nghệ nước nhà.

NHẬT-NHAM

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại, thấy còn nhiều bạn đọc suốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước. Kỳ sau sẽ đăng tên các vị độc giả chưa trả tiền ấy.

TRI-TÂN

Những ông nghè triều Lê

Tiếp theo trang 4

nhị giáp tiến sĩ xuất-thân khoa tân-mùi (1511) năm Hồng-thuận thứ ba, và tằng-tổ Bùi-chí-Vĩnh đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân khoa ất-mùi năm Đại chính thứ sáu nhà Mạc (1535).

21. — Lê Cầu, người xã Nam-nguyễn, huyện Phúc-lộc, phủ Quốc-oai.

22. — Lê-Hiền, xã Lạc-thực, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách. Vâng mệnh đi sứ. Làm quan đến Trực-học-sĩ (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 6a).

23. — Nguyễn-nguyên-Chân, người xã Lạc-thực, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách. Đỗ khoa nhâm-tuất (1442), năm mới có mười-tám tuổi, nhưng tự xét không đủ sức đỗ, xin thôi như ông Trịnh-thiết-Trường (số 14) : đến khoa sau lại đỗ. Tuy vậy, vẫn có tên trên bia khoa nhâm-tuất (*Đăng khoa lục* q 1, tờ 6 a).

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Còn nữa

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Đã phát hành

THI-NGHỆ

(Lược-thuật về THƠ và nghệ-thuật làm THƠ).

Một cuốn sách mà tất cả các bạn làng thơ, các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ, các nhà khảo-cứu văn-thơ,... đều-phải đọc để hiểu rõ thơ và thưởng thức được hết cái hay, cái đẹp của thơ .. Giá 0p 48

Sách TẾT của Quốc-Học Thư-Xã

TRĂM-HOA

Một cuốn sách xem TẾT, khác hẳn các sách, báo TẾT từ trước tới nay từ cách biên-tập tới cách trình-bầy, sẽ đem lại cho bạn đọc tất cả thi-vị êm-đềm của ngày TẾT và của mùa XUÂN.

Có ăn TẾT với «TRĂM HOA» mới hưởng được hết các thi-vị của ngày TẾT. Gia-đình nào cũng phải có «TRĂM HOA» trong ngày TẾT (Thượng tuần tháng chạp sẽ có bán, các hiệu sách nên viết thư đặt trước tự giờ).

ĐƯƠNG IN

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Giấy thường	*2 p. 80*
Giấy bouffant	*3 80*
Giấy bouffant bìa vải chữ vàng	*5 00*

(Loại sách giấy bouffant dành cho các bạn đặt tiền mua trước tự giờ, các hiệu sách không bán).

Mua sách, đặt sách, viết cho

M. LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

16 bis Rue Tiên Tsin Hanoi

Sách mới

Bản chí mới tiếp được :

1°) *SẮC ĐẸP NGÀI VÀNG* của bạn Chu-Thiên do Hàn-Thuyên xuất bản cục in. Các bạn đã từng đọc tiểu thuyết của bạn Chu-Thiên tất rõ cái giá trị cuốn truyện lịch sử này. Sách dày 90 trang, giá 0p40.

2°) *LỀU CHỒNG* của ông Ngô Tất-Tố, do nhà Mai-lĩnh xuất bản. Hai chữ tên « Lều chồng » cũng đủ để các bạn đọc hiểu đó là một chuyện dài nhắc lại chế độ khoa cử ngày xưa. Sách in bằng giấy bản giá bán 1p.95.

Xin cảm ơn các soạn giả, các nhà xuất bản và vui lòng giới thiệu với độc-giả T T.

Ô - tô, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1$00 một vé

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tín nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1·) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tình, mộng tinh khí hư

2·) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3) Thuốc bo tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4·) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến, 200b Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-hưng-Tường 437 Ngã tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh. *Nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi*

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ, Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tự Quí